Năm thứ hai — Số 72
Tuần-lễ từ thứ tư 11 Novembre
đến thứ ba 17 Novembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Nhìn qua ban văn-học hội Khai-trí — *Phạm Mạnh-Phan*
Tài liệu để đính-chính những bài văn cổ (XLVII) — *Nguyễn văn-Tố*
Vì sao Nguyễn-Du cảm truyện « Tiểu-Thanh » ? — *Liên-Giang*
Thơ Đường ở Nhật-bản (VI) — *Bách-thảo - Sương Tiên-nữ*
Hoàn-cảnh xã-hội của Mặc-tử — *Hoa-Đằng*
Từ Hà-nội đến bờ Ba-bể (Du-ký, XII) — *Nhật-Nham*
Cách xếp-đặt chữ nho trong tự-điển (VI) — *Đào trọng-Đủ*
Những ông nghè triều Lê (XLII) — *Ứng-Hòe*
Dịch thơ tây — *Cách-Chi*
Đời bí-mật của nàng Vương Thúy-Kiều (II) — *Hoàng-Diệp*
Trúc mai sum-họp (Hết) — *Chu-Thiên*

0 $ 20

Kiểm điểm người và việc trong hàng trí thức nước nhà

Nhìn qua ban văn-học hội

KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC

PHẠM MẠNH-PHAN

TRÊN hai mươi năm trời nay, bên cạnh hồ Gươm, lăn tăn sóng gợn, tòa nhà đồ sộ nguy nga của hội Khai-trí Tiến-đức với tượng vua Lê, gươm thần lẫm liệt, đã làm tăng thêm vẻ oai nghiêm tráng lệ của đất Thăng-long, « kinh đô bát mực », còn ghi bao dấu vết cựu thời về lịch sử của non sông Đại-Việt.

Ở nơi đó khách văn-chương, người tao nhã đã từng ngày tháng ra vào.

Và sau những cuộc đón tiếp linh đình các khách quan người quý quốc, sau những bữa tiệc kéo dài tới tận đêm khuya với những tiếng tổ tôm đếm vẳng nghe trong lúc trăng tà sao nhạt, người ta vẫn còn có một cảm tưởng êm-dịu về một hội lớn đó nơi đất Bắc, đã là cái gạch nối liền của người khác giống, đã là chốn gặp gỡ của hàng trí thức trong xã-hội Việt-Nam.

Ai đến Hà-thành lãng du cũng biết đến hội Khai-Trí, Ai dời Hà-thành cũng còn nhớ trong tâm tưởng cái tên đẹp đẽ ấy có liên lạc đến cuộc tiến hóa của non sông đất nước.

Vì trong bao nhiêu năm hội Khai trí với hàng nghìn hội viên trong khắp từng lớp của xã-hội đã theo đuổi mục đích của hội để giúp cho sự mở mang tri-thức người đồng chủng trong buổi giao liên của hai nền văn minh Âu, Á.

Một ban văn học đã thành lập để lo làm tròn phận sự của hội đã tự ra tay gánh-vác.

Nhìn thấy cái khuyết điểm về việc truyền bá tư-tưởng trong dân gian, nhìn thấy nỗi thiếu thốn trong việc làm, và thấu rõ sự cần dùng của những người hiếu học, ban văn học hội đó đã triêu tập trong hàng tri-thức của hội những người có đủ tín nhiệm về văn tài, hán học cũng như tây học để thảo nên một chương trình vĩ đại hòng giúp ích cho cuộc gây-dựng một nền văn-hóa riêng cho đất nước,

∴

Lần giở ngày trang đầu cuốn «Quy-tắc» của ban văn học, chúng ta thấy ngay cái mục đích rõ ràng của ban ấy về ba thứ chữ : quốc âm, nho học và pháp học, những món ăn tinh thần cần thiết cho việc mở mang tri thức.

Chúng tôi tưởng không gì hơn là sao cái chương trình ấy ra đây để tiện bề so sánh :

A. Về phần đính chính quốc âm

1. Soạn bộ Việt Nam tự điển.
2. Soạn quyển quốc âm văn phạm.
3. Sưu tầm và hiệu chính, chú thích văn cổ bằng quốc âm.
4 Soạn và dịch những sách thuộc về nền tân học.

B. Về phần bảo tồn nho học

1 Làm bộ Hán Việt tự điển và bộ Việt Hán tự điển.

2 Dịch ra quốc âm : tứ thư, ngũ kinh, chư tử và những sách thuộc về lịch sử, văn hóa, thi ca, truyện ký của Á đông nhất là của người Nam làm.

3 Soạn sách dạy chữ nho, để cho người lớn tự học lấy được và để dùng làm sách giáo khoa.

C. Về phần khoáng trương Pháp-học

1. Làm bộ Pháp Việt tự điển và bộ Việt Pháp tự điển.

2 Dịch ra quốc âm những sách bằng chữ Pháp, thuộc về học thuyết lịch sử, văn hóa và vĩ nhân của Âu-Tây.

3 Dịch ra chữ Pháp những sách viết bằng hán văn, hay quốc âm thuộc về học thuyết, lịch sử, văn hóa và vĩ nhân của Á-Đông nhất là của người Nam làm.

(Quy tắc trang 3 và 4)

Đọc hết bản chương trình trên đây chắc độc giả cũng công nhận, như người viết mấy giòng này rằng, đó là một bản chương trình rộng rãi bao la, đó không phải là công việc của một vài người và phải là công việc của một số rất đông những người có tài

học lỗi lạc đủ tin nhiệm mới gánh vác nổi cái chức trách nặng nề ấy.

Nếu chương trình ấy một mai thi hành được triệt để thì sự ích lợi cho nền quốc học Việt nam không phải là nhỏ vậy.

Lúc đó công của ban văn học hội Khai-trí sẽ đáng được người đời truyền tụng.

Nhưng có một bản chương trình rộng-rãi bao-la là một việc và làm trọn bản chương trình đó mới lại là một việc khác quan trọng hơn và đáng qui hơn.

.·.

Thì chúng ta hãy xem qua ban văn học hội Khai trí đã làm được những gì trong mấy chục năm trời.

Lấy công tâm mà nói, chúng ta nên thành thực nhận rằng ban văn học của hội đó đã làm được một việc đáng ghi trong lịch sử văn học Việt-Nam hiện tại.

Đó là việc cho xuất bản cuốn Việt-Nam tự điển *năm 1937. Mặc dầu cuốn đó còn nhiều điều khuyết điểm, chúng ta mỗi khi giở tới nó cũng thấy nó là một kho tài liệu đáng qúy dùng làm nền tảng cho những cuốn tự điển sau này đầy đủ hơn và sáng sủa hơn.*

Công việc đầu tiên bao giờ cũng khó khăn. Ban văn học hội Khai trí đã vượt được những cái trở-lực lớn lao và đã làm được cuốn tự điển đó, thật là một cái vinh dự cho hội.

Người đất nước sẽ không bao giờ quên cái sự cố gắng đáng khen ấy của các nhà văn đã tham dự vào việc khởi thảo tập tự điển, mặc dầu nó «chưa lấy gì làm hoàn bị như lời tự nhận trong Tập san số 1 của hội.

Ngoài việc đó, hằng năm chúng ta vẫn thấy hội Khai-trí tổ chức cuộc kỷ niệm cụ Tiên Điền Nguyễn Du, tác giả cuốn Kim - vân Kiều để nhớ ơn một vị đại văn hào nước nhà đã có công làm giàu cho kho quốc văn bằng một cuốn truyện kiệt tác và bất hủ.

Cuộc kỷ niệm có ý nghĩa sâu xa để nhắc nhở công nghiệp người xưa và để khuyến khích các văn nhân trên con đường văn nghệ.

Hằng năm hội lại còn tổ chức ngày hội thường niên về văn chương, mỹ thuật cùng treo những giải thưởng về các bài thi ca bằng việt văn và bằng hán văn.

.·.

Đó là những giòng chính về công việc đã làm của ban văn học hội Khai-trí.

Nếu chúng ta đem so sánh với bản chương trình trên kia, thì dầu chúng ta có cảm tình với ban văn học đến thế nào đi nữa cũng phải tiếc rằng trong bao năm trời ban văn học đã làm việc một cách quá ư chậm chạp.

Chúng tôi vẫn biết hiện giờ hội đang duyệt lại bộ Việt Nam tự điển để cho tái bản và đang soạn bộ Hán Việt hay Pháp-Việt tự điển chi đó.

Công việc làm tự điển đành rằng không phải là công việc trong một, hai năm; nhưng những khoản khác trong bản chương trình có thể thi hành trong một thời gian ngắn mà chưa thấy ban văn học làm.

Cuốn Việt-nam văn phạm *tuy được hội bảo trợ, nhưng có thể coi là của riêng của nhà học giả Trần trọng-Kim cộng sự với giáo sư Phạm duy-Khiêm và cụ Bùi-Kỷ.*

Chúng tôi muốn hỏi tại sao những sách đã định đem dịch lại chưa được dịch và những điều dự định khác chỉ là những điều nằm trong trí tưởng tượng của các ông trong ban văn học?

Giải thưởng lớn về văn học mà hội đã hứa hẹn bao lần rồi cũng chỉ là những điều hứa hẹn tan như mây bay khói tỏa!

Những giải thưởng con con về ngày kỷ niệm cụ Tiên-Điền chỉ là những việc nhỏ nhặt không đáng kể, vì chúng không đủ để khuyến khích những văn nhân có chân tài.

Những bài thơ, phú ngắn được ban thưởng không đủ để làm giàu cho kho quốc văn và cũng chẳng đáng giữ một địa vị khả

HÃY ĐỌC

Triết học KANT

của Nguyễn đình Thi

Một viên gạch quý bán trong công cuộc xây đắp văn hóa nước nhà. Một học thuyết mở đường cho tất cả nền triết học Tây phương hiện thời.

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 40 — Takou — Hanoi

ĐÃ PHÁT HÀNH

VÀNG SAO

của Chế lan Viên

In toàn trên giấy vergé bouffant. Bìa do họa sĩ Lưu văn Sin trình bày.

Giá 2p50

Sắp có bán

Triết học NIÊ ZSCHE

quan trong nền văn-chương hiện tại.

Chúng tôi không hiểu tại sao những cuộc nói chuyện hằng tháng của hội về các vấn đề văn-chương, sử ký, địa dư hay phong tục không tổ chức công khai cho công chúng và phải thanh-niên tri thức được nhan lãm mà chỉ dành riêng cho các ông trong ban văn học giữ « độc quyền nghe ».

Ngay chính tờ trình của hội đồng trị sự hội Khai-Trí về năm 1939 40 cũng đã yêu cầu như vậy mà từ đó tới nay ban văn học vẫn làm thinh.

Trong khi đó ở Hà thành, một hội học khác với một số ít người hơn đã hoạt động một cách sốt sắng hơn nhiều và những cuộc nói truyện của hội đó tổ chức đã được phải trí thức nhiệt liệt hoan nghênh !

.·

Chúng tôi cũng đã đọc qua bản kê các ông hội viên ban văn học của hội Khai-Trí

Thì quả như lời ông Kim đã viết trong bài tựa cuốn Việt-nam văn phạm, *ban đó có tất cả 42 vị gồm có các nhà văn « đại biểu cho nền tân học và cựu học ».*

Chúng tôi, trước khi viết bài này, cũng đã đến thăm một vài ông trong số đó mà chúng tôi được hân hạnh quen biết.

Chúng tôi cũng rõ trong ban văn học có một vài nhà học giả đứng đắn mà chúng tôi trọng về tài học và nhân cách. Chúng tôi không muốn nói rõ ra đây, e có người hiểu lầm tưởng chúng tôi có ý bợ đỡ như nhiều kẻ khốn nạn khác mà hòng hái lấy chút cảm tình nhỏ nhặt.

Những nhà học giả ấy thật tình muốn tận tâm làm việc cho quốc văn và muốn đem tài học của mình giúp ích cho đám người hiếu học.

Nhưng, trong công việc lớn lao về văn học, họ thường không gặp được các đồng chí sốt sắng và tận tâm.

Trong số 42 vị ở ban văn học không biết có nên nói rõ ra đây rằng nhiều vị chỉ trưng tên làm vì mà làm việc quá ư trễ nải.

Đó là một trong nhiều duyên cớ khác, đã khiến cho việc ban văn học phải chậm chạp một cách đáng phàn nàn, chậm chạp đến nỗi hình như người ta có cảm tưởng rằng ban đó không làm chi hết ngoài việc làm lễ kỷ niệm cụ Tiên-Điền.

Hơn nữa, thói thường người mình chỉ hay sốt sắng lúc đầu rồi một khi đã tự nhận một công việc không lợi lộc thì lại hay sao nhãng không lo tròn phận sự mà giữ gìn lấy lời hứa danh dự.

Theo thiển ý chúng tôi, ban văn học hội Khai-Trí có đủ ba điều kiện : tiền, nhân tài và tin nhiệm *để làm việc cho nền văn hóa nước nhà. Thế mà ban đó, ngoài việc soạn tự điển, không làm được việc gì khả dĩ có ảnh hưởng lớn lao đến nền văn học của đất nước thật là một điều đáng tiếc.*

.·.

Không phải lần này là lần đầu mà chúng tôi nói tới ban đó.

Trước kia trong tờ Việt-báo số 48 ra ngày 12-10-1936 dưới cái đầu đề « Vạch một cái lầm của hội Khai-trí Tiến-đức » chúng tôi đã công nhiên bác việc ban văn học treo giải thưởng văn chương mà buộc thanh niên phải viết bằng tiếng ngoại quốc.

Chúng tôi đã lấy làm vui sướng được thấy năm sau (1937) ban văn học đã bỏ cái điều kiện chặt chẽ đó trong các cuộc thi văn.

Một điều đó chứng rằng ban văn học vẫn để ý đến những dư luận chính đáng và ngay thẳng.

Ông Paul Reynaud, nguyên Tổng-trưởng thuộc-địa, hôm 14-12 1932 diễn thuyết trước hàng nghìn thính giả Pháp ở Université des Annales của bà Yvonne Sarcey dưới cái đầu đề « Du côté de l'Indochine » đã vỉ hội Khai-trí Tiến-đức với Hàn-lâm viện Pháp ! (1)

Chúng tôi mong hết thảy 42 « cụ hàn » của chúng ta trong ban văn học nên suy nghĩ kỹ về sự so sánh đó mà làm việc một cách sốt sắng hơn nhiều và đầy đủ hơn nhiều để khỏi phụ lòng mong mỏi của những người vẫn hằng có cảm tình với hội Khai-trí vẫn thiết tha đến cuộc tiến hóa của đất nước và việc mở mang trí thức của đồng-bào Việt-nam.

PHẠM MẠNH-PHAN

1) Nguyên-văn : « J'ai été reçu à Hanoi par les représentants de l'élite du Tonkin à l'A.F.I.M.A. sorte d'Académie française où les Annamites sont les plus nombreux »

(P Reynaud Conférence, Juin 1933)

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENTS CAO-DOT

chuyên bán buôn và nhận dệt khoán các thứ hàng nội hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux-shantung, Lin, Faux tropical, Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô gạo, vân vân.

Nơi giao dịch :

N° 2, Rue Strassbourg, Haiphong

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0p50 bằng timbre để làm cước phí.

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 47 Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

Kim Vân Kiều

(*bài nối*)

Một làn *cỏ mọc xanh dì,*
Nước ngâm trong vắt, thấy gì nữa đâu?

Vì câu dưới có chữ *nước* và chữ *trong vắt*, nên câu trên Kinh-bản chép chữ *làn*, xem phải nghĩa hơn chữ *vùng* ở bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh.

Bông lau *hiu-hắt* như *màu* cới *trêu.*

Ông Vĩnh chép là *khoi trêu*. Bản nôm của Quan-văn-đường chép là « *Vi* lau hiu-hắt như màu *gợi* trêu ».

Chạnh *riêng* tưởng *ít* tình *nhiều.*

Cụ Kiều-oánh-Mậu nói: « chữ *tình* có bản viết là chữ *nhớ*, sợ nhầm » Quan-văn-đường in là « *Nghề* riêng *nhớ* ít *tưởng* nhiều »; ông Vĩnh in là « *Tình* riêng *nhớ* ít *tưởng* nhiều ».

Tấc gang động khóa *nguyên-phong.*

Các bản đều chép là « Tấc gang đồng tỏa nguyên-phong », có lẽ không đúng, vì câu này nghĩa là Kim-Trọng đứng bên này, trông sang bên nhà Thúy Kiều, tuy gần chỉ độ một gang tấc, nhưng khóa nguyên-phong như động tiên thăm-thẳm.

Nhẫn *từ quán khách lân-la,*
Tuần trăng đếm đốt, *nay đà thêm hai.*

Các bản viết là: « *Nhận* (hoặc *những*) từ quán khách lân-la, Tuần trăng *thấm-thoắt*, nay đà thêm hai ». Cụ Kiều-oánh-Mậu nói: « Chữ *nhẫn* là tiếng cổ-ngữ, trong truyện *Hoa-tiên* thường dùng » Ở Trung-kỳ bây giờ cũng vẫn hãy còn dùng tiếng *nhẫn*.

Giơ tay với *lấy* về nhà.

Các bản viết là « *cất* lấy » thì không đúng, vì cành thoa ở trên cây đào, phải giơ tay mà lấy, thì chữ *với* phải hơn.

Gẫm âu *người ấy bấu này.*

Bản quốc-ngữ của ông Vĩnh chép là « Gẫm *trong* ».

Ơn lòng *quân-tử sá gì của rơi.*

Ông Vĩnh chép là « Ơn *người* quân-tử ».

Thang *mây dón bước ngọn tường.*

Cụ Kiều-oánh-Mậu chép là « *Bậc* mây » và chua rằng: « Có bản viết là *Vén mây* thì không phải, vì trong truyện Thanh-tâm có chữ *vân-thê*, nghĩa là thang mây ».

Kẻ nhìn tận *mặt, người e cúi đầu.*

Quyển *Kiều* của Quan-văn-đường và quyển *Kim Vân Kiều truyện chú* viết là « nhìn *rõ* », ông Vĩnh chép là « nhìn *tỏ* ».

Xương *mai tính đã* thâu *mòn.*

Ông Vĩnh chép là « *Sương* mai, tính đã *gầy* mòn ». *Kim Vân Kiều truyện chú*, chua rằng: « Xương mai, đây là xương cây mai, ví người gầy. Thơ của Tô Đông-Pha có câu: « La-phù sơn ngoại mai hoa thôn, Ngọc tuyết vi cốt, băng vi hồn », nghĩa là ngoài núi La-phù có xóm hoa-mai, tuyết ngọc là xương, băng giá là hồn. Vì có câu thơ ấy, nên cụ Nguyễn-Du mới đặt cây Mai có xương », chứ không phải là sương tuyết như ông Vĩnh in trong bản quốc-ngữ. Còn chữ *thâu* là tiếng cổ, chỗ này nghĩa là đã lâu.

Tháng *tròn như* gửi *cung mây.*

Cụ Kiều-oánh-Mậu nói: « Tháng tròn như chữ Hán « nhất nguyệt viên », là trong một tháng gửi lòng ở trên cung trăng. Có bản chép là « *Nằm* tròn như *thỏ* cung mây »... Ông Vĩnh chép là « *Nằm* tròn như *cuội* cung mây »,

Đài kỷ niệm Nguyễn-Du

Nguyễn-Du là nhà thi-hào độc nhất của ta, toàn thể quốc-dân một lòng sùng bái, thế mà trừ một cái bia của hội K. T. T. Đ. ra, thì quốc-dân chưa có cái gì để kỷ niệm bực công thần đệ nhất của quốc-văn, cho đến cái mộ của tiên-sinh đến ngày nay cũng chỉ là một nấm đất sè sè. Nhân ngày hủy của tiên sinh xưa nay, hội Quảng-trị Huế, nhờ được các học hội lớn ở trong nước ủng hộ, có xuất bản một quyển sách để là *Tập Văn họa kỷ niệm Nguyễn-Du*, để bán lấy tiền sửa mộ và dựng *đài kỷ niệm* nhà thi-hào ở làng Tiên-điền.

Sách ấy bán tại *hội Quảng-trị Huế* và *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12, Sabdurain*, Saigon.

Hạng giấy nhiễu Tố-như	20 p 00
Hạng giấy lụa Tố-như	8 00
Hạng giấy lụa Sông-Thao	6 00

(Hạng 100 p. 00 đã bán hết cả)

Hội QUẢNG-TRỊ Huế kính cáo

Sẵn tay khăn gấm quạt quy,
Với cành hoa ấy tức thì đổi trao.

Cụ Kiều-oánh-Mậu nói : « Có bản chép : Sẵn tay *bẻ quạt hoa quý* » Cụ lại phê luôn hai chữ « vô vị ». Nguyên bên chữ Hán có câu : « Kiều-dĩ cầm-thuế kim phiến hoán-chi », nghĩa là Kiều lấy khăn gấm, quạt vàng đổi đấy. Quạt vàng là quạt qui, cụ Nguyễn-Du viết *quạt quý* là vì vần dung ép đổi cũng khó. Nếu chép là *bẻ quạt hoa quý* thì không có nghĩa, mà mất cả chữ khăn gấm » Ông Vĩnh chép là « Khăn tay gấm, quạt hoa quý, *Mấy* cành thoa ấy tức thì đổi trao ». Chữ *Mấy* sợ lẫn nghĩa với chữ dăm ba, nên Kinh bản viết là *với*, nghĩa là và là cùng.

Một *nhời* vừa *gắn tất-giao*

Ông Vĩnh in là « Nhời đương gắn bó tấc giao »

Một tường tuyết trở *sương che.*

Chữ *trở* có bản chép là đón, thì còn được ; có bản như bản Quan-văn đường, chép là *điểm* thì không có nghĩa.

Vừa ngày *sinh nhật ngoại gia,*
Trên song *đường, dưới nữa là hai em.*

Các bản khác chép là *Ngày vừa* sinh nhật ngoại gia, Trên *hai* đường dưới nữa là hai em » *Song đường* đã thành tiếng nôm : chép là *hai* đường sợ có khi nhầm là hai đường cái.

Tưng bừng sắm sửa áo xiêm,
Cần *dâng một lễ xa đem tấc thành,*

Chữ *cần ở* đây nghĩa là rau cần : Sách Kê Khang có câu : « Người nhà quê có rau cần tốt, muốn dâng vua ». Có bản nôm chép là : *Bèn* dâng một lễ » ông Vĩnh đọc là : « *Biện* dâng một lễ » thì nhầm, vì tiếng nôm chữ *biện* ấy đọc là bèn ; nếu dùng chữ *biện* là sắm sửa thì phải viết hai chữ tân hai bên, chữ lực ở giữa, chứ không phải viết chữ bạ chấm đầu.

Nhà lan *thanh vắng một mình.*

Bản Kiều của cụ Quan-văn-Đường và quyển *Kim-Vân-Kiều chuyện chú* chép là « Nhà *hương...* »

Gẫm cơ hội ngộ đã đành *hôm nay.*

Các bản nôm chép chữ *đinh* ; chữ ấy dùng làm chữ nôm thì đọc là *đành, dành* rành, đều được cả ; nhưng ở câu này phải đọc là *dành* thì phải hơn, vì buổi vắng nhà hôm ấy là cơ hội tốt đã để *dành* cho Kim Trọng và Thúy-kiều.

Gót sen thoăn-thoắt dạo ngay mé *tường*

Các bản nôm đều viết chữ *mái*. Trong bản Thanh-tâm có chữ « tường đầu » thì chữ *mé* tường phải nghĩa hơn.

Càng *nhìn* mặt *càng thêm tươi*

Ông Vĩnh chép là « *Mặt* nhìn mặt »

Góp *nhời phong nguyệt nặng nguyền non sông.*

Quan-văn-Đường chép là « *Ngâm* nhời » quyển chú thích chép là « *Gẫm* nhời ».

Trên yên *bút giá* thi *đồng.*

Có bản nôm viết là « Trên *án* bút giá *thư* đồng »

Mặn khen *nét bút càng nhìn càng tươi*

Quan-văn-Đường in là « Mặn *mà* ».

Phúc nào nhắc *được giá này cho ngang.*

Quan-văn-Đường và quyển chú thích chép là « Phúc nào *đổi* được » ; ông Vĩnh chép là « *đọ* được ».

Trông người lại ngắm *vào ta..*

Quan-văn-Đường chép là « lại ngắm *đến* ta » ông Vĩnh chép là « lại *ngẫm* đến ta » trên có chữ *trông* thì dưới dùng chữ ngắm phải hơn.

Thì đem vàng đá mà liều cho *thân.*

Cụ Kiều-oánh-Mậu nói « chữ *cho* có quyền viết là *với* ».

Còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Mới có bán ;

TẬP KIỀU

của Tú-Poanh

Trình bày rất ưa nhìn. Có 8 phụ bản của Nguyễn Đức Nùng Giá 1p00

BỆNH THỜI ĐẠI

của Phạm Ngọc-Khôi

Thứ bệnh tinh thần đã *từng đầu độc* mấy lớp thanh niên đất Việt (Loại « Đạo làm người ») Giá 0p55

Còn một số ít : *Bà Quận - Mỹ* của *Chu - Thiên*
Răng đen của *Anh - Thơ*

Đang in : *Thanh lịch* của *Vân Đài*
«Thu» thơ của *Đỗ-Cẩm-Văn*

«Thu» là cả một bản đàn tha thiết âm điệu tân kỳ. *«Thu»* tập thơ đầu của một thi sĩ có nguồn cảm hứng riêng biệt *Bản thường : 2p50. Bản quý : 8p00*

Nhà NGUYỄN DU xuất bản

Đường 206bis *số 11, Hà-nội*

Vì sao Nguyễn-Du lại cảm TRUYỆN «TIỂU-THANH» ?

của LIÊN-GIANG

Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khốc Tố-Như ?

ĐÓ là hai câu kết ở bài thơ tám câu của Nguyễn Du, vì sau khi đọc truyện *Tiểu Thanh* xúc-cảm mà làm ra, theo như ý ông Đào Duy-Anh đăng ở báo Thanh-Nghị số 22 ngày 1er Octobre 1942.

Vậy Tiểu Thanh là ai ? Truyện đó có thực hay không ? Vì tình cảnh làm sao mà Nguyễn Du cảm-động đến thế ? Ông Đào Duy-Anh đã lược kể tiểu-sử của nàng, nói rằng mộ nàng hiện nay vẫn còn di-tích ở Cô-sơn trong Tây-hồ tỉnh Triết-giang. *Từ-nguyên* cũng chép rằng : Tiểu Thanh là tên người, họ Phùng, là vợ lẽ một người học trò họ Phùng ở tỉnh Hàng châu. Vì kiêng đồng tính, cho nên chỉ gọi tên chữ. Nàng hay thơ, giỏi âm-luật, bị vợ cả không dung, bắt ra ở riêng ở Cô-sơn. Trong họ có người xui nàng bỏ đi lấy chồng khác, nàng không nghe, lo uất mà chết, tuổi mới mười tám. Việc đó vào đầu đời nhà Thanh. Bây giờ ở núi Cô-sơn, còn có mộ nàng ở đấy.

Nay xét ở Tiểu-Thanh truyện, chép trong pho *Nữ Liêu Trai chí dị* của Quảng-Ích thư-cục in, thì ở cuối truyện ấy, có câu bàn của Trương Sơn-Lai rằng : Truyện Tiểu-Thanh này có kẻ bảo là chuyện không có, vì ghép hai chữ « tiểu » và « thanh » lại làm một, thành ra chữ « tình ». Nhưng kịp khi đọc đến bài ca « Tử Vân » của Ngô Khầu, thấy đoạn tiểu-dẫn có câu rằng : « Phùng Tử-Vân là em gái Tiểu-Thanh, gả về Mã Mao-Bá ở Cối-kê ». Như thế thì ra truyện tựa hồ như có thực. Kể ngay như truyện Tiểu-Thanh này — vẫn câu của Trương Sơn-Lai — cũng không rõ ấy ai soạn ra. Bạn ta là Âu Nhật-Giới, có nhớ mang-máng là của Chi Tiểu-Bạch làm, nhưng không lấy gì làm chắc. Vậy việc đã không chắc, thì hãy tạm để khuyết nghi vậy.

Truyện nàng thực hư thế nào, ta cũng không cần bàn đến, mặc dầu độc-giả phần nhiều hay có cái quan-niệm rằng truyện mình đọc phải là chuyện có thực, mới cảm thấy hứng thú cho. Nay ta chỉ nên xét Tiểu-Thanh là hạng người thế nào, cảnh-ngộ của nàng ra làm sao, văn-chương của nàng đẹp đẽ hay bi-đát nhường nào mà khiến cho nhà đại thi-hào của ta là Nguyễn-Du phải hoài cảm đến thế.

Sử của nàng là sử một kẻ hồng-nhan bạc mệnh. Nhưng đến văn chương của nàng chỉ có mười hai bài vừa thi vừa từ, lại là một tập văn-chương bị đốt đi còn sót lại, thế mà đời sau những người biết thưởng-thức thi-văn đọc ngâm đến, cũng phải chau đôi mày, vò chín khúc, huống chi là một bực tài-tử như Nguyễn-Du, cảm thân-thế cùng thuyền cùng hội, khỏi sao được mà chẳng ngậm-ngùi than tiếc, khóc mượn, thương vay :

« Chi phấn hữu thần liên tử hậu,
« Văn chương vô mệnh lụy phần dư ! »

脂粉有神憐死後
文章無命累焚餘

Nay tôi xin dịch kỹ lại truyện và thơ Tiểu Thanh, không dám nói rằng dịch thực đúng. Dám mong độc giả lay con mắt kẻ bàng-quan mà xem truyện, đừng tự tưởng mình như Nguyễn Du.

Truyện Tiểu-Thanh

Tiểu-Thanh là vợ lẽ một chàng học trò quê ở Hồ-lâm (nay ở huyện Quí-chi, tỉnh An-huy). Nhà nàng vốn ở Quảng-lăng (huyện Giang-đô, tỉnh Giang-tô) ; vì cùng mang một họ với chồng, nên giấu không nói họ, chỉ lấy tên là « Tiểu-Thanh ». Nàng vốn có căn duyên kếp trước, nên khác người từ lúc nhỏ. Năm mười tuổi, gặp một bà sư già, trao cho cuốn *Tâm kinh*. Nàng xem qua một vài lượt, thuộc lầu ngay, gặp lại đọc, không sót một chữ. Bà sư nói rằng : « Con bé này sớm thông-minh, mà phúc mỏng-mảnh ! Tôi xin nó làm đệ-tử tôi. Nếu không, chớ nên cho biết chữ, họa mới sống được đến năm 30 tuổi ». Người nhà cho là nói nhảm, có ý cười riễu.

Mẹ nàng vốn là bà giáo, nàng được theo học luôn luôn. Những nơi nàng năng đi lại, toàn là những con gái nhà danh giá, nên nàng tinh hiểu mọi nghề, thấu hết các thanh và luật. Giang-đông là đất đẹp đẽ phồn-hoa, thường hay có những cuộc hội họp của các trang khuê-tú, trong đó họ đố nhau bằng chè và nói bằng hiệu tay. Nhiều người chưa kịp hiểu, thì nàng mau trí, lựa dịp ứng đối ngay, lắm câu người ta không nghĩ đến. Cho nên ai ai cũng sợ vắng mặt nàng.

Nàng vốn am hiểu về phép-tắc đàn bà, mà dáng-điệu lỗng-lẫy, lại khoan thai dễ-dàng, thực là sẵn tính giời như thế. Năm 16 tuổi lấy chàng. Chàng là một bực công tử rất hào, nhưng hay khoác-lác sống-sượng, không được nhã nhặn. Người vợ cả có tính ghen tị lùng. Nàng hạ mình theo ý chiều-chuộng, mà không xong.

Một hôm, nàng theo vợ cả ra chơi chùa Thiên-trúc, người vợ cả hỏi rằng : « Ta nghe phương Đông có vô-lượng-phật, sao đời chỉ chuyên thờ phật Đại-sỹ (tức Quan Âm) ? Nàng đáp : « Ấy chỉ vì ngài từ-bi mà đời thờ ». Người vợ cả biết là mỉa mình, cười nói : « Phải, ta nên từ-bi. Nhưng từ nay, mày phải ra ở riêng nơi Cô-sơn, và phải nhớ lời dặn này : Nếu ta không cho phép, chàng có đến, không được cho vào. Nếu ta không cho phép, chàng có viết thư đến, cũng không được nhận ».

Nàng nghĩ hẳn buộc mình vào địa vị người rồi, tất rinh lỗi mình để kiếm chuyện hành-hạ mình. Vì thế, nàng hết sức gìn-giữ. Có hôm, người vợ cả đi chơi sông, lại [illegible] cùng đi một thuyền. Gặp cô giáp hai bên đó, tiểu

đê có những chàng trai trẻ cưỡi ngựa tấp nập đi đi lại lại. Các bạn gái ngồi trong thuyền đều chỉ-trỏ đùa giỡn : ngả về phía đông, lại nghiêng về phía tây. Nàng chỉ điềm nhiên ngồi thừ ra mà thôi. Có một bà phu-nhân, thích-thuộc với người vợ cả, có tài mà hiền, thường vẫn đến chơi với nàng học đánh cờ, thương-yêu nàng lắm, hôm ấy đồ rượu cho người vợ cả thực say, rồi nói sẽ với nàng rằng : « Thuyền có lầu, chị lên chơi với tôi ». Khi lên đến lầu, hai người cùng nhìn ra xa một lúc, phu-nhân bèn vỗ lưng nàng mà nói rằng : « Cảnh đẹp thế kia, khá tiếc thay, chỉ đừng tự mình làm khổ mình ? Liễu Chương-đài ơi, (1) ngươi tựa lầu hồng mà mong ngựa của Hàn-lang chẳng về thay, cớ sao chịu ngồi yên mà nhìn lên trên không thế ? » Nàng đáp ; « Giả Bình-Chương, (2) lưỡi gươm của ngươi đáng sợ thật ». Bà kia cười : « Chị lầm rồi. Gươm của Bình-Chương thì nhụt, chớ gươm của nữ Bình-Chương mới thực là sắc ». Một lát phu-nhân lại thong dong nói : « Chị vốn hiểu khuôn phép, lại lắm nghề hay, mà phong-lưu dễ-dàng như thế, há cứ để cho lạc vào nước quỉ La-sát hay sao ? Tôi đây tuy không phải là nữ-hiệp, nhưng có thể kéo được chị ra khỏi nơi hố lửa » Chốc lại nói tiếp : « Liễu - Chương - đài, nhà ngươi sao không hiểu? Thiên hạ thiếu gì Hàn-lang ! Dù bây giờ hẳn có ăn ở tử tế với nhà ngươi đi nữa nhưng nhà ngươi chung qui vẫn làm con hầu nấu rượu ở dưới trướng của tướng quân họ Đảng (3) mà thôi ! » Nàng nói: « Xin bà đừng nói nữa. Thuở bé tôi nằm mộng thấy tay ngắt một cái hoa, cái hoa theo gió rụng dần xuống nước. Mệnh tôi chỉ có thế mà thôi. Nợ kiếp trước trả chưa xong, dam đâu còn sinh bụng khác Cuốn sổ nhân duyên ở Minh-tào kia có phải là hòn ngọc Châu như-ý của tôi đâu, thôi con làm nhục nó làm chi nữa, cho thiên hạ thêu dệt nên điều. Phu-nhân than rằng : Chị nói cũng phải, tôi không ép chị làm gì. Dù sao, chị cũng nên gìn-giữ Hẳn có nói ngọt mà mời ăn mời uống, chị phải cẩn thận. Sớm tối có cần điều gì, cứ cho bảo tôi, không sợ » Rồi hai người nhìn nhau, khóc ướt cả áo. Rồi cùng lau nước mắt, về chỗ cũ. Một lát, vị phu-nhân từ trở về

Phu-nhân đem truyện ấy nói với trong thân-thích, ai cũng than-thở thương tiếc.

Từ đấy về sau nàng buồn tủi âm thầm đều thổ lộ ra lời thơ và từ.

Vị phu-nhân kia sau vì việc quan mà đi phương xa, nàng càng cảm thấy vắng-vẻ, rồi sinh bệnh. Người vợ cả cho thầy thuốc lại thăm. kế cho con nhài bưng thuốc đến. Nàng giả dạng cảm tạ, sau khi con Xòi đi khỏi, bèn ném thuốc lên đầu giường mà than rằng : « Dù ta không muốn sống nữa cũng nên giữ cái thân cho trong sạch mà qui-y, há để cho chén thuốc độc kia nó đoạn tống được đời ta ! »

Bệnh càng ngày càng nặng, nàng không ăn uống gì cả, mỗi ngày chỉ nhấp lưng chén nước lã mà thôi. Sự phục-sức nàng càng trang điểm lộng lẫy thêm lên lại ôm đêm ngồi hát. Có lúc gọi người đàn bà gẩy đàn rong vào tâu khúc « mạnh-tử » để nghe Dù ngất đi tỉnh lại mấy phen cũng không chịu để bù đầu hay nằm ngửa bao giờ.

Chợt một hôm, nàng bảo người vú già rằng : « Khá nhẫn bảo gã oan nghiệp kia tìm cho tôi một thầy họa giỏi lại đây »

Thầy họa lại. Nàng bảo vẽ truyền thần nàng. Vẽ song nàng soi gương nhìn kỹ, nói : « Hình tôi thì giống, nhưng chưa lột được hết thần của tôi. Thôi, bỏ đi.

Vẽ đổi bức khác ; nàng lại nói : thần thì được rồi, nhưng bóng dáng chưa được lưu động. Hay là mắt ta nhìn ngay thẳng, tay để trang nghiêm, giữ-gìn thái quá, hóa nên thế chăng ; Thôi bỏ đi »

Nàng bèn sai mang bút đến cạnh, cùng với vú già : trỏ, nhìn, nói, cười ; hoặc quạt ám chè, xếp gọn những tranh sách; hoặc pha hộ các thứ thuốc xanh đỏ.

Nàng phóng cái tư tưởng như thế trong một lúc lâu, rồi bao thầy họa trông vẽ lại. Tranh chấm xong, đủ dáng lộng lẫy, nàng cười nói : « Được rồi đấy

Khi thầy vẽ đi, nàng để bức tranh ở trước giường, đốt hương thơm, đặt lê và rượu lên cúng, rồi lễ điện mà khấn rằng : « Tiền-Thanh Tiểu-Thanh, chốn này có phải nơi duyên phận của mày đâu ! »

Nói xong, ôm ghế mà khóc, nước mắt như mưa chan hòa chảy xuống, nức lên một tiếng rồi chết. Bây giờ vào năm nhâm-tý, niên hiệu Vạn-lịch (1612) Tuổi nàng mới có mười tám, thương thay !

Người đâu đẹp như ngọc, mệnh mỏng như mây, khác nào như nhị hoa quỳnh bông hoa đàm, chỉ hiện ra ở nhân gian có một lúc ! muốn cầu bắt chước như nàng Đỗ-Tuệ nương (3) lại được sống lại bên đình mẫu đơn, nào có được đâu.

Chiều tối, chàng mới thất thểu chạy đến, mở màn, thấy nàng dung quang mịn màng. áo quần tươi thắm, y như lúc còn khỏe mạnh. Chàng bỗng kêu to lên, giậm chân xuống đất, hộc máu ra hơn một thùng. Kế chàng nhặt được một cuốn thơ, một bức di trượng và một bức thư gửi cho phu nhân Mỗ. Chàng mở ra xem, lời lời đau xót. Cuối bức thư có bài thơ tuyệt cú. Chàng kêu lên rằng : « Ta phụ nàng ! Ta phụ nàng ! »

Người vợ cả biết chuyện giận lắm, chạy đến đòi bức tranh. Chàng giấu bức thứ ba đi, đưa ra bức thứ nhất. Lập tức bức này bị đốt cháy. Người vợ lại đòi tập thơ. Thơ đưa ra cũng bị đốt nốt

Thơ hay ở đất Quảng-Đông bị tan tác, Từ đấy là hết, buồn thay ! Trong lúc cơn ghen như lửa nồng ngất cháy, sao anh chàng kia không lấy giấy má tin tức mà lộn sòng. Vậy tội không phải tự người vợ mà chính ở chàng ! kịp khi người ta lục tìm bản thảo, không còn chi nữa.

May khi nàng sắp mất có mấy chiếc xuyến hoa, tặng cho con gái nhỏ của nàng, bọc vào hai tờ giấy. Chính ở những tờ giấy ấy, người ta thấy có thi cảo của nàng. Tất cả được 9 bài thơ tuyệt cú, 1 bài cổ thi, một bài từ cộng với bài thơ gửi cho Mỗ phu nhân là 12 thiên.

Bài cổ thi chép rằng :

Tuyệt ý các vân, vân bất lưu

流頭外樓少繞難曉小悄
不雲窓我景繚事能聲悄
雲新落當好風底誰竊淚
雲壓筆處愁怕垂緒瘦鴻
閣正顛秀只又簾不漸孤
意雲顛嵐簾簾捲情烟是
雪舊米松垂捲簾不爐又

Xem tiếp trang 18

THƠ ĐƯỜNG Ở NHẬT-BẢN

Số 6

của BÁCH-THẢO-SƯƠNG Tiên-nữ

Bát-Phan-Công

Kết phát tùng quân cung tiễn hùng,
Bát châu thảo mộc thức uy phong.
Bạch kỳ bất động, binh doanh tĩnh,
Lập mã biên thành khán loạn hồng.

Lại Sơn Dương

Dịch nôm

Thơ vịnh Bát phan Công

Búi tóc, đeo cung, mạnh-mẽ thay,
Tiếng-tăm, cây cỏ tám châu hay.
Trong dinh im lặng, hàng cờ trắng.
Gò ngựa, nhìn chim nháo-nhác bay.

Lời giải và lời bình:

Búi tóc. — Ở Nhật, về thời trung cổ, các nhà vũ-sĩ thường cạo sạch tóc phần trước trán cho đến giữa đầu, chỉ để phần sau gáy, rồi bới ngược cao lên đỉnh. Một lối trang sức đặc-biệt của đạo vũ-sĩ. Đây là nói dáng điệu hăng hái mạnh mẽ của Bát-Phan.

Ở Nhật-bản, trước thế-kỷ thứ 12, có cuộc phân-tranh chiến-đấu to lắm của hai họ võ-gia, mà cũng là hai ngành của hoàng-tộc, rất có thế-lực là họ Binh-thị (Taira) và họ Nguyên-thị (Minamoto) Tức là thời-kỳ nam bắc phân tranh quyền chính, như ta về thời-kỳ chúa Nguyễn và chúa Trịnh giành nhau mỗi người cát-cứ một địa-phương.

Họ Binh-thị ở Nam, hiệu cờ đỏ, Họ Nguyên-thị ở Bắc, hiệu cờ trắng Trong bài thơ có chữ *Cờ trắng* là ý nói hiệu cờ của họ Nguyên-thị

Bát-phan Thái-lang Nghĩa-gia (Mauta Rouyosi Ie) là người của họ Binh-thị ở Nam. Bát-phan tuổi còn nhỏ đã ăn-vận theo lối võ sĩ, đeo cung mang tên, hăng-hái theo cha đi đánh trận.

Năm Khoan-trị nguyên-niên, tháng chín, Bát-phan theo cha, đánh với binh Nguyên-thị phương Bắc ở bên thành Kim-trạch.

Hôm đó, binh Nam-phương, Binh-thị kéo đến công phá trại binh bên địch. Thì trong binh-doanh Bắc-phương, Nguyên-thị yên lặng, «ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trễ-tràng» làm ra thái-độ không phòng bị.

Bát-phan Thái-lang không khinh suất tiến quân, gò ngựa lại xem tình-hình trận thế, thì đằng sau thành thấy có những con hồng con nhạn bay tán loạn, kêu ríu-rít từ chỗ bụi cây đám cỏ bay lên. Thấy thế, Bát phan đoán ra chỗ đó tất có phục binh, vì loài chim thấy có người ẩn núp mà kêu bay lên vậy.

Nhân đoán được đúng cơ mưu bên địch mà trận đó Bát phan Thái lang đại thắng binh Bắc-phương.

Thơ này là thơ vịnh Bát phan Công mà điểm vào chỗ «bạch kỳ bất động» và chỗ «khán loạn hồng» đó để tán mỹ về trí lanh lẹ sáng sủa của vị thiếu-niên có tài làm tướng

Gò ngựa nhìn chim nháo nhác bay.

Câu thơ của Lại Sơn Dương ý tứ gói ghém mà lời lẽ hàm-súc, chỉ một vài nét mà điểm được đặc sắc của câu chuyện.

Tính cách có giống như những câu của Cao Thích vịnh chuyện «Tu Giả, Phạm Thư»:

Bất tri thiên-hạ sĩ
Do tác bố-y khan.

và câu ở sách *Việt-sử tổng vịnh* của vua Tự đức vịnh Nguyễn-Trãi:

Công thành dĩ ái Côn-sơn hứng,
Kỳ nại nga-mi bất hứa hoàn!

(Còn nữa)

BÁCH-THẢO-SƯƠNG, Tiên-nữ

Cùng các bạn gửi bài

Các bạn có lòng yêu gửi bài đến Tri-Tân, xin làm ơn nhớ viết cho tinh tường, để chừa rộng ngoài biên và chỉ viết một mặt giấy.

Sau khi đã gửi bài nào đến bản-chí rồi, xin đừng gửi bài ấy cho báo khác nữa.

Vì bài nhiều mà khuôn khổ tờ báo có hạn, nên bản-chí cần phải lựa chọn kỹ càng và lúc nào tiện dịp mới đăng dần được.

Bài nào không đăng, xin miễn trả lại bản cảo. — T.T.

Ai muốn viết thư trao đổi ý kiến về các vấn đề tinh thần xin gửi đến

Monsieur **Tứ-Hải**

Boite postale no 74 — Saigon

Triết-nhân Đông-phương

HOÀN-CẢNH XÃ-HỘI CỦA MẶC-TỬ

HOA-BẰNG

TỪ xưa đến nay, từ Đông sang Tây, không cứ thời nào và ở đâu, một học-thuyết, một chủ-nghĩa ra đời, bao giờ cũng có viễn-nhân và cận-nhân, chứ không phải nảy ra một cách ngẫu-nhiên, không trước-lạc.

Muốn khảo cứu học-thuyết của Mặc-tử, ta nay cần phải để ý đến hai phương-diện :

1. — Trạng-thái xã-hội và chính-trị của thời-đại Mặc-tử ;

2. — Trào-lưu tư-tưởng của thời-đại Mặc-tử.

Vẫn biết tư-tưởng, học-thuyết của Mặc-tử là « con đẻ » của hoàn-cảnh xã-hội bấy giờ, nhưng ta nay không nên quên thời-gian mà nhìn cổ-nhân bằng con mắt quá « mới ».

Không nên phụ-họa với nhà học-giả Lương Nhậm-Công vì nhiễm những tư-tưởng của tân-học mà nhìn Mặc-tử theo một quan-niệm mới, như Lương đã nói trong *Mặc-tử học-án* trang 7 : « Mặc-tử chú-ý đặc-biệt vào việc cải-tạo cách tổ-chức về kinh-tế, muốn xây-dựng một xã-hội hỗ trợ, lấy lao-lực làm bản-vị ».

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM
Trịnh-như-Tấu
1 — Hưng yên địa chí Op.80
2 — Bắc giang địa chí 1 50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40
Đều có bán tại
Đông Tây thư quán
195 Phố Hàng Bông—Hanoi

Thực ra, Mặc-tử chỉ là một nhà học-giả duy-tâm, một nhà xã-hội không-tưởng, ôm một dục-vọng lớn-lao là muốn thiên-hạ yêu-thương lẫn nhau, làm lợi lẫn nhau, để đi đến bước hòa-bình cực-lực.

Tư-tưởng ấy là tư-tưởng bác-tế phả-độ của Phật, là tư-tưởng tìm đến Lạc-viên của Cơ-đốc.

Nên nhớ : ở Tàu vào khoảng Xuân-thu và Chiến-quốc ấy, thiên-hạ loạn-lạc, nhân dân lầm than, đời sống của đại-chúng hồi đó bị ngắc-ngoải âm-thầm dưới những lớp mây tối-tăm, lượt mù ảm-đạm. Vì vậy, những nhà hiền-triết đương-thời ai cũng ôm chung một mối lo dân thương nước, cố tìm lấy con đường sinh lộ, mong làm như ông Moïse : đưa dân-chúng thoát vòng khổ-sở, đến xứ Chanaan tinh-thần đượm sữa và mật.

Đứng trước tình-thế xã-hội ấy, Mặc-tử cũng như nhiều nhà khác — Nho-gia, Danh-gia, Pháp-gia, Đạo-gia và Nông-gia, v. v. —đắp riêng lũy, xây riêng thành, cao phất lá cờ « tư-tưởng », không ngoài cái đích bênh-vực cho địa vị và quyền-lợi của những người cùng một khuynh-hướng, cùng một cảnh ngộ với mình và, đồng-thời, để mưu cuộc giải-cứu cho hạng dân-chúng đương lâm vào cảnh nước sôi lửa nóng.

Một khi tư-tưởng đã trái nhau vì chính-kiến, vì quyền lợi, lẽ tất nhiên phải có những cuộc kích-bác nhau, xung đột nhau về tinh-thần. Vì ai cũng cốt muốn xương-minh chủ-nghĩa của mình, mong truyền rộng cho mọi người tin theo để đạt đến tuyệt đích của cuộc đời lý-tưởng.

« Bàn cãi nảy ra tia sáng chân lý ». Trong tư-tưởng giới bấy giờ, người Trung-hoa đã nhảy được những bước khá cao và khá dài là do thời thế đã tạo nên như thế.

Mặc-tử, cũng như chư tử khác, muốn cho chủ-nghĩa mình được thực hiện, tất phải một mặt suy-nghĩ cho thật nhiều, tư-tưởng cho thật mạnh, và lý-luận cho thật đanh-thép, cố vượt lên trên những địch thủ, để gây lấy một tín-lực giữa vòng đại chúng, một mặt lại phải đánh đổ các học-phái khác, quét sạch những sức phản-động, mới mong hát được bài đắc-thắng một cách vẻ-vang.

Mặc-học có nhiều chỗ cao thâm và thiết-thực, một cớ chính cũng vì tình-bình xã hội xô-đẩy và lý-thế bắt-buộc như thế.

Nay xin nhìn thẳng vào sự thực của xã-hội Mặc-tử đang ở để ta khảo cứu về học-thuyết của Mặc được tinh-tường và chặt-chẽ hơn.

Nhắc lại : Mặc-tử là người ở vào khoảng sau Khổng-tử và trước Mạnh-tử, tức vào khoảng từ năm 1-10 đời Chu Định-Vương đến năm 12-20 đời Chu Ai-Vương (từ năm 468 459 đến năm 390-382 trước Tây lịch),

Bấy giờ Chu-thất Đông thiên đã lâu rồi.

Nay thử mở lại mấy trang lịch sử Trung-quốc : Khi nhà Chu đã dời về phía Đông, có Tấn, Trịnh, Lỗ là những nước Hầu mạnh hơn hết. Về sau, Lỗ, Trịnh suy yếu, thì đến thời đại Ngũ bá lần lượt kế nhau cầm tai trâu, làm minh chủ, lấy nê Thiên tử, sai-khiến mọi nước Hầu khác. Tới nửa dưới đời Xuân thu, lại là thời đại Tấn, Sở tranh bá. Bước sang đầu đời Chiến-quốc, những nước Hầu nhỏ dần bị giệt hết, chỉ còn lại bảy nước hùng-cường — kêu là Thất hùng, tức Tần, Sở, Tề, Yên, Hàn, Triệu và Ngụy — gườm ghè nhau, chống-trọi nhau. Đó là thời đại Tiên Tần.

Trong khoảng thời gian từ năm 700 đến 249 trước Tây-lịch ấy, trang sử Trung quốc thật đã viết đầm những chữ máu rợn-rùng ; biết bao nhiêu bang đã phải xóa nhòa trên mặt bản đồ, biết bao nhiêu người đã phải làm mồi cho thần Tranh-chiến ! Một cảnh thảm-khốc bày ra trước mắt mọi người ! Một nỗi đau-đớn, một cơn khủng-hoảng làm cho những người quan-tâm đến thời-cục tất phải suy-nghĩ, lo-toan. .

Sinh vào cuối Xuân thu đầu Chiến-quốc, Mặc-tử là người được chứng kiến những cuộc loạn-ly ấy. Phải, chính mắt Mặc-tử đã thấy những tấn thảm-kịch lần lượt diễn ra : Tam gia là Hàn, Triệu, Ngụy chia ba nước Tấn ; họ Điền cướp ngôi nước Tề ; Sở, Việt rất cường thịnh, rồi đến lượt nước Tần nổi lên, ngốn nuốt dần dần những nước nhỏ yếu : không mấy ngày không có cuộc giết người đầy thành, thịt người đầy nội. Biết bao thế gia hàng mấy trăm năm đến bấy giờ không còn mấy nhà được tuyền vẹn. Nhân dân sống trong cảnh lo sợ, hồi hộp, bấp bênh.

Vả, đến giữa đời Xuân-thu, cái xã-hội phong-kiến và lối chính-trị giai-cấp của đời cổ đã phát-đạt một cách cực đầy đủ ; nhưng sau đó dần dần sa xuống cái vực suy đồi. Ngay từ đời Khổng-tử, xã hội Xuân thu đã bầy ra những trạng-thái mục nát, khiến nhà đạo đức ở nước Lỗ kia phải lớn tiếng than phiền về nỗi thiên hạ vô đạo. Song Khổng-tử chẳng qua chỉ muốn cứu chữa những cái lưu tệ ở đương thời để khôi-phục lại những chỗ tốt lành đã có sẵn, chứ không có tư-tưởng cải tạo cái xã hội ấy cho thành mới hẳn.

Đến đời Mặc-tử, thời thế biến thiên, kinh tế đổi khác, phái quí tộc và phú-tộc càng ngày càng xa-xỉ, phái bình dân càng ngày càng bị bác tước xác-xơ : trong xã hội nảy ra cái hiện tượng giàu nghèo rất chênh-lệch.

Nhìn vào hạng sĩ bấy giờ, phần đông họ chỉ đua nhau câu-nệ ở cái lễ nghi phiền phức, trau chuốt ở cái hình thức vụn-vặt, hùa theo những thói « thượng-văn » giả-dối phù-hiêu, chứ chẳng có gì là quan thiết đến thực tế cả. Vì cái tệ « văn-thắng » ấy ở cuối đời Chu, nảy ra một sức phản động rất mạnh : phải vụ thực, phải ưa mộc-mạc, phải chuộng tiết-kiệm, phải trở lại cái lối chất-phác, cần lao và hi-sinh của chính sách Hạ-Vũ.

Đó, những cái viễn-nhân cận nhân nó dồn dập lại là thế. Cái hoàn cảnh xã hội từ cuối Xuân-thu đến đầu Chiến-quốc nó phức tạp là thế.

Đáp theo tiếng gọi của thời đại, học thuyết của Mặc-Địch ra đời.

Nhưng Mặc-tử chỉ là một nhà hiền-triết đại từ, đại bi, đại thiện, không có quyền vị bằng ai, không có võ dũng hơn ai, thế mà muốn cứu vãn thời thế, tất nhiên phải lợi dụng cái tâm-lý tín ngưỡng của dân chúng, dựa vào tôn-giáo mà hành động.

« Thiên-chí » và « minh-quỉ » là những tín điều của đạo Mặc.

« Kiêm ái » và « phi công » là những yếu chỉ của đạo Mặc.

Trên cái nền tảng tôn giáo ấy, Mặc-tử định xây dựng cái xã hội mới, không phải mua bằng một thứ đại giá quá đắt là xương máu của nhân dân.

HOA BẰNG

Một buổi họp

Ngày chủ nhật 22 tháng 11 này hồi 8 giờ sáng, hội Truyền-bá học quốc-ngữ có tổ chức một buổi hội họp riêng cho phụ nữ tại hội quán Trí-Tri phố Hàng Quạt Hanoi, có mấy nữ diễn giả đăng đàn diễn thuyết để cổ động cho hội. Xin mời các bà các cô trong thành phố đến dự cho đông để giúp một phần công sức vào công cuộc chống nạn thất học cho đồng-bào.

H. T. B. H. Q. N.

Đón coi số tới

1) Một bản dịch « Truyền kỳ mạn lục » từ năm 1763 cung cho ta nay một sự so-sánh rất hay về văn-học ! Trong khoảng 179 năm nay, văn xuôi của ta không phải không mau tiến.

của **HOA-BẰNG**

2) Tháng 7, năm quí mão, 1783, chúa Nguyễn-Ánh có chạy thấu Côn-lôn, đi ra do-thám ở Ma-lý hải khẩu và trao Hoàng-tử Cảnh cho đức cha Bá-Đa-Lộc để nhờ sang Pháp cầu viện không ? *của* **DƯƠNG-KỲ**

3 Đêm hội Lông-trì tiểu thuyết lịch-sử của Nguyễn-huy-Tưởng.

Du - ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA BỂ

Số 12

NHẬT-NHAM

NGỒI ăn trên mặt nước, bên cạnh bờ lau, rừng sậy, tôi có cảm - tưởng như Triệu - quang - Phục cầm thuyền độc-mộc ở bến Dạ-trạch, chia bùi xẻ ngọt với quân-sĩ trong một bữa ăn, trước khi ra trận đánh quân Trần bạ-Tiên nhà Lương nước Tầu.

Ăn xong, sẵn nước sông rửa tay, rửa miệng, lấy tre rừng làm tăm, nghỉ ngơi một lúc, rồi theo sau một hồi kèn «điếu cầy» liên-tiếp, thuyền nhổ sào thẳng tiến về miền hang Puông.

Hình như sau một bữa cơm ngon miệng no-nê, mọi người đều lấy lại sức và ai nấy tinh thần sảng-khái : hai chú lái đò chèo chở có phần khỏe hơn trước mà các tổng - lý ngồi trong thuyền cũng chuyện luôn luôn không ngớt. Tuy không có «tửu nhập», chỉ có « thực phẩm nhập » mà « ngôn » cũng « xuất » nhiều câu lý thú.

Đi được nửa giờ sau, trên bến có một bãi giồng ngô, có 4, 5 có con gái Thổ đội nón đưng hái bắp ngô. Một chú lái thuyền bèn buông nhời bỡn đùa :

Pỉ ơi, nhằng mì thương, oác nầy mà chói chèo lửa, mà nè, nằm mì, lừa bỡ pây da, mì thương mà lỡ !

(Chị ơi ! còn có thương thì ra đây chèo thuyền hộ, ra ngay nhé, nếu không, thuyền không đi rồi nước nặng, thuyền dừng im một chỗ không tiến, có thương ra ngay nhé.)

Viên Phó tổng cũng chen vào một câu :

Ối dà ! nặm lai quá, mọi cần oác mà tức pia, bỡ lập ngòi dá, Chắc cạ pì noọng cần đai lỗ.

(Mọi người ra đánh cá, nước to quá còn phải để ý đến giòng nước, mình không kịp nhìn họ rồi, không biết gọi họ là anh em, chị em nhà hay là người dưng ?)

Bọn con gái bị kích thích, bèn đứng trên bờ lên tiếng giả nhời:

Các thầy ạ. nứ nạy ngòi nua lừa sôn nặm lèo ngòi khẩu nầy mà há.

Các thầy ạ hãy cứ để ý nhìn mũi thuyền trước phải săn sóc đến việc chèo thuyền, không cần phải nhìn vào đây nhé.

Rồi các cô cười khúc khích, tiếng cười vang động một góc rừng theo sau có tiếng cười của bọn con trai dưới thuyền đáp lại họa thành một dịp đàn mộc mạc hồn nhiên...

Tới địa phận xã Cao - thượng, về bên tay phải, ngay dưới chân một ngọn núi đá cao, ngay cạnh bờ sông, thấy xuất-hiện một cái hang, trước mặt có một tảng đá to, tựa một tấm bình phong. Hang này là hang Thẩm-phầy (Hang lửa). Chúng tôi cầm thuyền, lên bộ, xem hang. Ngoài cửa hang, thấy còn nhiều lửa. củi cháy đỏ thành than và những bếp đặt bằng ba phiến đá. Hình như vẫn có người đặt chân lên đây đun nấu. Hỏi ra mới biết các thuyền chài, hoặc thuyền bè giao thông với chợ Rã qua đấy, đều cắm sào để người trong thuyền lên bến nấu ăn, nên gọi hang là Thẩm-Phầy (Hang lửa) Trong hang có nhiều cát trắng lóng-lánh như bạc vụn, trông rất đẹp. Tiếng nói vang đi rất xa. Dưới đáy hang, có suối róc rách, như đưa khách giang hồ vào cõi mộng Đào-nguyên.

Trên vách hang,thấy có nhiều chữ quốc-ngữ tiếng thổ đề bằng than đen làm giảm mất vẻ đẹp thiên - nhiên của một nơi sơn thủy hữu tình Cho hay dù nơi rừng xanh núi thẳm dù Kinh, dù Thổ, tùy trình độ có khác nhau, nhưng cũng cùng chung một quan niệm : muốn lưu tên tuổi cho hậu-thế, muốn phô danh hiệu với thời-gian, đến nỗi làm dơ bẩn và nhem nhuốc những nơi danh-thắng của non sông đất nước!

Sau khi ngắm cảnh, chúng tôi lại xuống thuyền chở theo đường cũ, phấn đấu với bao nỗi hiểm-nghèo, qua bao thác, vượt bao luồng nước chảy mạnh như muốn lôi cuốn, như muốn xoáy xuống giòng sông mấy trùng

Hai bên bờ sông đều là núi đá cao. bích lập. Nhìn lên ngọn núi, vách đá cheo leo, như bức tường xếp bằng những tảng đá to, không khác hình núi Đế-Thiên Đế - thích.

Thuyền vẫn đạp sóng từ từ thẳng tiến.
« Con thuyền bơi vượt doành khơi
« Dịp chèo tiếng lái tựa vời cầm ca,
« Nước mây rừng núi lướt qua,
« Còn chăng giấc điệp trong nhà Trang sinh »

Mặt trời gác núi, cảnh chiều hôm giục du khách mau tiến trên đường thủy-đạo. Viên phó-tổng và viên kỳ mục vốn là những tay thiện thủy bèn đứng lên mỗi người một con sào giúp sức lái đò đẩy thuyền cho chóng tới hang Puông. Chẳng bao lâu đến một khúc sông, trông xa có một giẩy núi đá tựa một góc tường thành đặt ngang sông, khiến du-khách tưởng tượng ngọn sông phát nguyên từ đấy mà thuyền chỉ có tới đó là cùng đường. Tôi đương vơ vẩn nghĩ ngợi, chợt mọi người đồng thanh reo mừng : « Hang Puông đây rồi » Trong khi ấy thuyền đã qua khuỷu sông, tiến gần đến dẫy núi đá. Dần dần trông thấy cửa hang xuất-hiện. Cửa hang hình tam giác. cao chừng 30 thước Thì ra hang Puông xuyên qua chân núi, mở một con đường cho sông Nang chảy qua, hang khúc khuỷu dài 300 thước tây.

Đến gần cửa hang, thuyền áp bến hữu-ngạn, cắm sào. Đoàn du-lịch « đồ bộ » leo dốc lên đỉnh núi xem hang thượng. Hang thượng là một cái hang trên ngọn núi đá dưới có sông Nang xuyên qua. Cửa hang trông rất hẹp, nhưng càng vào sâu càng rộng, càng cao càng tối, Bấm đèn pile, dưới ánh sáng hiện ra một cảnh tượng rất đẹp. Thạch-nhũ rủ xuống, trông tựa ngọc-châu muôn hình vạn trạng. Ngoài cửa hang, Chính - phủ cho cheo bảng gỗ yết thị bằng chữ Pháp và chữ quốc-ngữ : « *Cấm du khách không được viết chữ vào hang* » Hình như xưa kia, động này đã là nơi cho dân vùng này lánh giặc ẩn trốn.

Vãn cảnh xong, chúng tôi lại xuống thuyền từ từ vào cửa hang Puông. Ngồi trên mặt nước, trông sang hai bên vách đá chúng tôi phải luôn luôn khen ngợi cái xảo-diệu của Hoá-công đã khéo an-bài ra cảnh vật ấy ! Một bên hình « Minh-tinh », một bên hình « nhà tăng» nào là «mâm sôi », « con gà » chỗ này«ông phật nằm », chỗ kia tượng « sư tử », « hổ » « khỉ », lại thêm nhiều đồ « thần tự », Lạ nhất là trên nóc hang có nhiều đường đỏ, người Thổ truyền là những vết chân rồng Tiếng nói chuyện của chúng tôi vang rất xa. Các chức - dịch rất lấy làm tiếc không dự-bị đem bánh pháo đi theo để đốt, vì tiếng pháo có nhiều tiếng vang nghe rất vui tai. Ra gần cửa hang có mấy tảng đá, lấy sào đánh vào kêu như tiếng chuông có nhiều dư-thanh. Người ta thường gọi những tảng đá ấy là chuông trống. Giòng nước đổ vào hang xoay rất mạnh, thuyền phải vắt-vả mới ra khỏi hang.

Nước non non nước hữu tình
Hang Puông vách dựng trệnh vênh ngất trời
Ghé thuyền áp bến thảnh thơi
Lau tùm um lá, hoa rơi đỉnh đầu
Nóc hang phủ đám mây sầu,
Ẩn tàng thạch nhũ ngọc châu muôn hình.
Xuống thuyền ngược xã Khang-ninh,
Qua hang cảnh lại xinh xinh nhiều bề :
« Minh-tinh, nhà tăng » chỉnh tề,
Hình dung muôn trạng, điểm tô hai hàng
Bên xanh phủ áo Phật, tăng
Ngư ông giấc bướm hang rằng Trang châu ?
Chân rồng in vết đỉnh đầu.
Chống chuông tiếng đá, khác đâu tiếng đồng.
Bức tranh này của Hóa công
Con trèo đầy núi, khúc sông quanh vòng.
Nước non non nước xa trông
Con thuyền dừng đỉnh trên sông phật phờ ..
Ngàn cây vượn sóc nhẩy đùa
Chênh vênh ngọn núi vạc đưa bóng tà

Đi được một quãng, thấy có nhiều thuyền chài xã Khang - ninh cắm sào đánh cá. Thấy nói thuyền chúng tôi về Bản-Vài, các ngư-phủ đều cho là muộn lắm rồi không thể tới trước đêm được và khuyên chúng tôi nghỉ ngay ở bến ấy với họ. Mải nhìn đàn khỉ đùa rỡn trên sườn núi, chúng tôi không để ý đến câu nói, trong khi các lái đò vẫn không tỏ chút lo ngại, cứ dũng mãnh tinh tiến. Độ nửa giờ sau, thuyền đến một cửa ngòi, bèn rẽ vào ngòi này. Ngòi này là một chi-lưu sông Năng, chảy vào bai bể ở Bản Vài.

Bắt đầu xuôi nước, thuyền nghỉ chèo buông theo giòng ngòi, từ từ chạy. Vì hai bên bờ ngòi có nhiều cây mọc, cành lá um - tùm che phủ trên mặt ngòi, nên mỗi khi thuyền qua lại, người ngồi thuyền phải cẩn-thận, đầu khỏi vướng vào cành cây.

Đương lúc bóng tà che phủ cảnh vật dưới màn hoàng hôn, thuyền vẫn xuôi trên mặt nước. Cứ mỗi lần đến gần một giặng cây, tất cả 12 người ngồi thuyền, trên sáu hàng ghế, đều cúi rạp xuống mặt thuyền rất đều, không ai bảo ai, theo một cái mệnh-lệnh tự - nhiên Tôi trông thấy, vậy có một quan-niệm : Thế ra đứng trước nhẽ phải, nói rộng ra, đứng trước thần công-lý, không cần phải uy hiếp, mà ai ai cũng phải phục tòng, không cứ một hạng người nào, một dân-tộc nào,

Đến gần xã Bản-vài, vì nước lũ, sông Nang chảy vào ngòi, ngập tràn lênh láng cả cánh đồng, nên có lối rẽ ngang đi tắt vào làng rất gần. Vùng này có nhiều thuyền chài đánh cá, hiện ra cảnh-tượng một ngư-thôn dưới bóng tịch dương miền sơn-cước, Tiếng hát ngư-phủ văng vẳng xa xa, như giục cơn buồn người lữ khách !

Một dãy nhà ẩn hiện trong bóng ác ta, dưới chân núi, trên bến nước, phong-cảnh thực xinh ! Đến bến, đã thấy ông Lý trưởng Bản vài đứng chờ và lên tiếng chào mừng chúng tôi.

Còn nữa

NHẬT-NHAM

Thống chế Pétain đã nói :

« Xưa nay chỉ có một nước Pháp, đó là nước Pháp đã giao cho bản chức sự cứu-vãn và mối hy-vọng. Các người phải theo bản chức mà hết lòng phụng-sự nước Pháp. Chỉ còn cách ấy mới giữ được quốc-vận ».

Sách mới.

Tri-Tân vừa mới nhận được :

1) *Thánh Gandhi và thi-hào Tagore* (hai bậc vĩ-nhân Ấn-Độ) do Hồng-Lam. soạn, Giang-Tả xuất-bản.

Sách giấy 112 trang, giá 0 p. 70

2) *Tập Kiều* của Tú Poanh do nhà Nguyễn-Du xuất-bản.

Sách in bằng giấy bản, giấy 120 trang, giá bán - 1 p. 00

3) Việt-nam Cổ văn học sử có tựa của ông Trần-văn-Giáp, bạt của cụ Huỳnh Thúc Kháng do nhà Hàn-Thuyên Hanoi xuất-bản. Dày 450 trang Giá 4. 50

Xin cảm ơn các tác-giả, nhà xuất-bản và vui lòng giới-thiệu cùng bạn đọc.

DỊCH THƠ TÂY

La nuit de Mai

A de Musset

Le Pélican

Quel que soit le souci que ta jeunesse endure,
Laisse-la s'élargir, cette sainte blessure
Que les noirs séraphins t'ont faite au fond du cœur
Rien ne nous rend si grands qu'une grande douleur.
Mais, pour en être atteint, ne crois pas, ô poète,
Que ta voix ici-bas doive rester muette.
Les plus désespérés sont les chants les plus beaux,
Et j'en sais d'immortels qui sont de purs sanglots.

Lorsque le pélican, lassé d'un long voyage,
Dans les brouillards du soir retourne à ses roseaux,
Ses petits affamés courent sur le rivage.
En le voyant au loin s'abattre sur les eaux,
Déjà, croyant saisir et partager leur proie,
Ils courent à leur père avec des cris de joie,
En secouant leurs becs sur leurs goîtres hideux.
Lui, gagnant à pas lents une roche élevée,
De son aile pendante abritant sa couvée,
Pêcheur mélancolique, il regarde les cieux.
Le sang coule à longs flots, de sa poitrine ouverte,
En vain, il a des mers fouillé la profondeur :
L'océan était vide et la plage déserte ;
Pour toute nourriture il apporte son cœur.
Sombre et silencieux, étendu sur la pierre,
Partageant à ses fils ses entrailles de père,
Dans son amour sublime il berce sa douleur,
Et, regardant couler sa sanglante mamelle,
Sur son festin de mort il s'affaisse et chancelle.
Ivre de volupté, de tendresse et d'horreur.
Mais parfois au milieu du divin sacrifice,
Fatigué de mourir dans un trop long supplice,
Il craint que ses enfants ne le laissent vivant,

CHIM BỒ NÔNG

Ưu-tư mấy, thiếu thời chi kể,
Mặc thương kia cho xé can trường ;
Chỉ điều đau đớn phi thường
Mới hay tạo nổi phi thường vĩ nhân.
Nhưng chớ tưởng, hỡi chàng thi-sĩ
Khi đau nhiều thì chỉ cắn răng.
Xưa nay những khúc đoạn trường
Vẫn là những điệu cung thương xuất trần.
Mà ta biết bao thiên bất hủ,
Được người người truyền thụ đề đời,
Chỉ là những tiếng khóc dài,
Oán hờn thổn thức, ra nhời đó thôi...
Bồ nông nọ xa xôi lặn lội,
Lúc ngày tàn sức cội hầu tàn,
Trong sương bao quản gian nan,
Quay đầu về tổ giữa làn sậy lau.
Trên bãi cỏ, lau nhau một lũ
Bồ nông con đói rũ ngóng trông.
Thấy đằng xa, khoảng nước nông,
Chim cha xà xuống, chạy dông đón đầu.
Đã tưởng được cùng nhau xâu - xé
Mồi của cha ngoài bể kiếm về,
Vui mừng, ríu rít, sun soe,
Bạnh riều, vẫy mỏ, trông ghê rùng mình.
Bồ nông bố làm thinh nhắc cẳng,
Hòn đá cao thủng thẳng bước lên,
Ủ con, cánh xã hai bên,
Mắt buồn rời rợi, trông miền giời cao.
Từ ngực xẻ, máu trào như suối,
Uổng công trình tìm bói bể khơi :
Bể không cá lội, sò phơi,
Mồi con không có, đành moi tim đào.
Nằm lẳng lặng, rầu rầu trên đá,
Xẻ con thơ gan dạ cha già,
Chút tình phụ tử thiết tha
Đủ ru hồn điếng, đủ chà xác đau.
Nhìn trước ngực máu đào tuôn chảy
Hồn say mê, thương, khoái rợn rùng,
Lao đao gục xuống giữa vòng,
Trước bàn tiệc chết, phơi lòng hi-sinh.
Song có lúc giật mình lo sợ,
Đường hi sinh dài quá sức này,
Sợ không chết thoát được ngay,

xem tiếp trang 10

Cách xếp-đặt chữ nho trong

TỰ-ĐIỂN

Số 6 ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

NGƯỜI nhận được giây thép, tra code sẽ hiểu ngay. Vương-vân-Ngũ thấy dùng code tiện lợi như vậy, nghĩ ngay đến cách dùng số để biểu-hiệu cho hán tự. Trông thấy chữ, có thể viết ngay được số biểu-hiệu, tức là giải-quyết được vấn đề phân-loại hán-tự một cách hoàn-toàn.

Thoạt-tiên, Vương-vân-Ngũ chia nét ra 5 hạng: Đếm nét phải đếm từng hạng và theo thứ-tự nhất định:

Nét ngang — hay nét phẩy lên / đếm trước nhất
Nét sổ | đếm thứ nhì
Nét phẩy xuống / đếm thứ ba
Nét mác ＼ hay nét chấm ＼ đếm thứ tư
Hết thảy nét khác 乁 乚 ✓ đếm cuối cùng

Thí-dụ muốn tìm số biểu-hiệu của chữ thiên 天 phải đếm: Nét ngang, hai biên số 2, nét sổ không có, biên Zéro vào sau số 2, là 20; nét phẩy xuống, một biên số 1 sau số 20. là 201; nét mác một, biên số 1 sau số 201, là 2011; những nét khác, không có biên Zéro vào sau cùng, thành số 20.110. Hạng nào quá chín, chỉ lấy chín thôi. Theo phương-pháp ấy, Vương-vân-Ngũ đã tính số biểu-hiệu cho một vạn chữ, và thấy 5980 số khác nhau, nghĩa là mỗi một số, đồ-đồng biểu-hiệu cho hai chữ. Nhiều nhất có 21 chữ cùng một số biểu-hiệu. Cách này Vương Vân-Ngũ gọi là The quantitative numéral system 筆數號碼派. or the Numéral system for arranging Chinese characters 號碼檢字法 Mới xem hình như rất giản-dị. Nhưng kỳ thực rất phiền-phức, vì đếm nét không đã khó rồi, huống chi lại chia ra từng hạng mà đếm. Tìm số biểu hiệu của một chữ, khác gì làm một bài tính ra cho thí-sinh sơ-học-yếu-lược. Vương Vân-Ngũ cũng biết là bất-tiện, nên cách ba năm về sau, lại phát-minh ra một cách mới nữa gọi là Four corner Numéral system 四角號碼檢字法.

Tứ-giác-hiệu mã-kiểm-tự pháp

Lệ thứ nhất. — Nét chia ra làm 10 hạng, hoặc đơn-bút, hoặc phức-bút. mỗi hạng dùng một con số mà biểu-hiệu theo như bảng sau này:

Số 0 頭 đầu 亠 hai nét đầu chữ 主 床 病

1 橫 hoành — nét đầu chữ thiên 天 nét cuối 乚 ノ 乚 chữ thổ, 土 chữ nguyên, 元 chữ dận 亂 nét thứ ba chữ 江

2 豎 thùy ソ nét sổ hai bên chữ sơn 山 nét sổ chữ 則 nét phẩy đầu chữ nguyệt 月 chữ thiên 千

3 點 điểm 八 nét chấm hoặc nét mác, nét đầu chữ 家 江 冗 nét cuối chữ 之, 厶 衣

4 叉 xa 十 ⨯ hình như chữ thập 十 hoặc dấu tính nhân ⨯ hai nét đầu chữ 刈 赤, 戈

5 插 tháp 才 một nét xuyên qua hai ba nét khác, như nét sổ chữ 申 nét phẩy chữ 春 nét móc chữ 戈

6 方 phương 口 hình vuông, như chữ 嘯, 目 四

7 角 giác 凵 một nét có góc, hoặc hai nét viết liền với nhau thành ra góc, như bốn góc chữ 白 hai góc trên chữ môn 門 hai góc dưới chữ 山

8 八 bát 八 ⨯ hình như chữ bát 八 chữ nhân 人 hai nét đầu chữ thủ 首 chữ ngọ 午 chữ niên 年

9 小 tiểu 小 ⨯ hình như chữ tiểu 小 bộ tâm 小 灬 木 ba nét chấm 灬 nửa dưới chữ mộc: như phía trên chữ quyển 卷 phía trên và phía dưới chữ đường 棠 ba nét chấm chữ duy 維

Một điều nên chú ý là bao giờ cũng phải lấy phức-bút. Thí-dụ: Chữ bát, phải coi là phức-bút, nghĩa là số 8, không chia ra nét phẩy, số 2, và nét mác, số 3 được. Chữ ngôn phải tính hai nét đầu phức-bút là số 0, không tính một nét chấm, là số 3 được.

Lệ thứ nhì — Mỗi chữ có bốn góc, lấy số góc phải theo thứ-tự từ bên tả sang bên hữu từ trên xuống dưới Thí-dụ:

chữ độc 讀 số tứ giác là 0468
chữ huống 況 — 3611
chữ ảnh 影 — 6292

Lệ thứ ba. — Chữ nào phía trên cùng, hay dưới cùng, chỉ có một phức-bút, phức-bút ấy sẽ dùng làm góc bên tả, góc bên hữu viết Zéro thay vào. Thí-dụ :

chữ tuyên 宣 số tứ-giác là 3010
thủ 首 — 8060

Trong lệ này, có một chỗ cần trích nguyên-văn của tác-giả: If part of a stroke has been previously used as a corner, any other part of the same stroke taken as another corner shall be repra sented by a zéro. Hán văn là : 每筆用過後如再充他真赤作 zéro.

Theo tôi hiểu lệ này nghĩa là một nét chỉ dùng được một lần thôi. Thí-dụ : chữ thập 十 góc đầu đã dùng cả hai nét rồi, ba góc sau đều là zéro cả. Vậy chữ thập số tứ-giác là 4000. Vương Vân-Ngũ nhiều chỗ không theo lệ này. Xem đoạn dưới.

Lệ thứ tư — Chữ nào thuộc bộ vi 囗 bộ môn 門 bộ đấu 鬥 hai góc trên theo bộ, hai góc dưới theo chữ ở trong bộ. Thí-dụ.

chữ nhân 因 = 6043, 60 là hai góc trên bộ Vi 囗 43 là hai góc dưới chữ đại 大

bế 閉 = 7724, 77 là hai góc trên bộ môn 門 24 là hai góc dưới chữ tài 才.

Bốn lệ trên này là bốn lệ chính Ngoài ra còn bốn lệ phụ nữa, nói về những chỗ nên chú-ý.

1. — Phải theo thể khải-thư viết ngang bằng số ngay. Những chữ : 住, 辶, 皮, 礻, 宀, 安, 小, 刃 禹, ... viết và in khác nhau, phải theo lối viết. Thí-dụ :

chữ thần 神 viết 神 in 神 theo lối viết = 3520
hộ 户 viết 户 in 戶 — = 3027
chân 真 viết 真 in 眞 — = 4080
y 衣 viết 衣 in 衣 — = 0073

11. — Những chữ thuộc bộ miên 宀 bộ hộ 户 số tứ-giác bắt đầu bằng 30 không phải 00. Những chữ như 皿 門 phải lấy 77 làm hai góc trên, không được bớt đi một phần nét cho thành ra hình vuông rồi tính là 60, hoặc 66. Chỉ có góc là tính 7 thôi, hai nét làm thành ra góc phải tính riêng ; chữ 司 số tứ-giác là 1762, góc thứ nhất, góc thứ nhì góc thứ tư, cùng thuộc về một nét. Lệ này trái với lệ-chính thứ ba. Chữ mỹ 美 hai góc dưới là 43, không phải là 80. Những nét 灬, 小, không tính 9 như chữ tiểu.

Còn nữa ĐÀO TRỌNG-ĐỦ

Dịch thơ tây

tiếp theo trang 14

Alors il se soulève, ouvre son aile au vent,
Et se frapppant le cœur avec un cri sauvage,
Il pousse dans la nuit un si funèbre adieu
Que les oiseaux des mers désertent le rivage,
Et que le voyageur, attardé sur la plage,
Sentant passer la mort, se recommande à d'eu.
Poète, c'est ainsi que font les grands poètes.
Ils laissent s'égayer ceux qui vivent un temps ;
Mais les festins humains qu'ils servent à leur fêtes
Ressemblent la plupart à ceux des pélicans.
Quand ils parlent ainsi d'espérances trompées,
De tristesse et d'oubli, d'amour et de malheur,
Ce n'est pas un concert à dilater le cœur.
Leurs déclamations sont comme des épées ;
Elles tracent dans l'air un cercle éblouissant,
Mais il y pend toujours quelque goutte de sang.

A. de Musset

Đàn con còn để kéo dai khổ hình.
Tức thì cố nhấc mình đứng dậy,
Dang cánh ra như vẫy gió trời,
Thét lên một tiếng giã đời,
Sức thừa thẳng cánh, nát bời tim đau.
Giữa đêm tối, tiếng đâu rùng rợn,
Khiến đêm hôm vội trốn tránh xa,
Mà người lữ khách sa đà
Chợt nghe tưởng tiếng quỷ ma hú hồn.
Hỡi thi sĩ, cái công trước tác
Đại thi hào không khác gì đâu.
Mặc loài sinh sớm chết chiều
Ngâm câu vui vẻ, tô mầu trẻ trung.
Còn diên phẩm cung trong thịnh điển
Thường lắm khi giống chuyện bồ nông.
Nào tình nào lụy não nùng,
Nào nhời thơ thân nào cung đàn sầu,
Lòng hy vọng đáo đầu tan tác,
Nỗi chia phôi, hồng bắc nhạn nam,
Phải đâu là bản tục cầm
Để nghe mà hả, để ngâm mà đùa.
Nhưng khúc ấy, khi đưa ngâm ngợi,
Như gươm thiêng múa tại trên không,
Vẽ nên những nét chói hồng,
Mà bao giờ cũng nhỏ giòng máu tươi.

Bia văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 42 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Khoa ất-mùi, năm 1475, được mười ba người đỗ đệ nhị giáp, tức là tiến sĩ xuất thân:

1. — Phạm-Sán, người xã Lỗi-dương, huyện Đường an, phủ Thượng hồng, tỉnh Hải dương. Đỗ năm ba mươi hai tuổi (chép theo *Đăng khoa lục*, sách in bằng chữ nho, quyển 1 tờ 19 b; sách viết, như quyển *Đăng khoa bị khảo*, số A 485 của trường Bác-cổ, quyển Hải dương, tờ 12 a, thì chép đỗ năm hai mươi hai tuổi. Làm quan đến Hàn lâm. Là em Phạm-Lỗ: anh em cùng làm quan đồng triều, đều đỗ nhị-giáp.

2. — Trần Thâm, người xã Nhị trai, huyện Thiện tài nay là Lang tài, phủ Thuận an (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a. Làm quan đến Tham-chính (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh bắc, tờ 121 b)

3. — Ứng ngạn-Lượng, người xã Hưng hiền, huyện Thượng-phúc, phủ Thường tín. Đỗ năm hai mươi tuổi. Làm quan đến Hàn lâm viện hiệu thao (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 21 a).

4. — Vương-Hiền, người xã Mặc khê, huyện Thanh lâm, phủ Nam sách, tỉnh Hải dương. Đỗ năm hai mươi bốn tuổi. Làm quan đến Hiến sát sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải dương, tờ 56 b)

5 — Nguyễn tấn-Vỹ, người xã Lôi xá, huyện Cẩm giàng, tỉnh Hải dương. Làm quan đến Đề-hình giám sát ngự sử (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải dương, tờ 28 b).

6 — Lê quảng-Du, người xã Lỗ hiền, huyện Lôi dương, phủ Thiệu thiên, tỉnh Thanh hóa Đỗ năm ba mươi chín tuổi. Có đi sứ Làm quan đến Giám sát ngự sử (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a)

7. — Phạm hưng-Văn, người xã Đông hới, huyện Thanh lan, phủ Tân-hưng. Làm quan đến Hộ khoa đô cấp sự trung (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 94 b: *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a, chép làm quan đến đô-ngự-sử). Tháng 11 năm đinh-tỵ 1497, hiệu Hồng-đức thứ 28 phụng mệnh sung chức chánh sứ sang nhà Minh, cáo về việc tang vua Lê Thánh-tôn, 1460-1497, mất giữa đường, truy tặng Hình bộ thượng thư (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 24, tờ 26 a).

8. — Đỗ tri-Trung, người xã Hạ mỗ, huyện Từ liêm, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn tây. Đỗ năm Ba mươi bay tuổi (theo *Đang khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a; còn *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, thu tập thượng, tờ 3 b, chép đỗ năm hai mươi bảy tuổi). Làm quan đến tự-khanh.

9. — Kiều-Phú, người xã Lạp-hạ, huyện Ninh-sơn, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập trung, tờ 36 a, chép là huyện Yên sơn; bia Văn miếu khắc là huyện Ninh sơn). Đỗ năm hai mươi chín tuổi. Làm quan đến Tham-chính. Cùng với Vũ Quỳnh soạn bộ *Lĩnh-nam trích-quái*.

10. — Nguyễn-Hịch, người xã Nội duệ, huyện Tiên du, phủ Từ sơn. Làm quan đến Quốc-tử giám tư nghiệp. Là con Nguyễn thiên-tích, đỗ khoa hoành từ năm 1431, là ông Nguyễn bỉnh Quân, đỗ đệ nhị-giáp năm 1553: lũy thế đăng khoa (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 b).

11 — Đỗ-Toàn, ở *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 b, chép là Đỗ-Duệ, người xã Yên-bài, huyện Phụ dực, phủ Thái bình. Huyện Phụ dực đổi là Phụ-phượng, sau đổi là Phượng dực. Đỗ năm bốn mươi hai tuổi Làm quan đến Tham chính. Con là Đỗ Toại, đỗ tiến-sĩ khoa bính-thìn 1496, cháu là Đỗ Cảnh, đỗ hoàng giáp khoa giáp tuất 1514, đều làm quan đến thị lang: ba đời đỗ đại khoa (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 b; *Nam-sử tập-biên*, quyển 3, tờ 71 a: *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn nam, tờ 3 b)

12. — Vũ-mẫn-Trí, người xã Khuê chương, huyện Kim thành, phủ Kinh môn, tỉnh Hải dương. *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 b, chép làm quan đến Đoán-sự; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 91 a, chép làm quan đến Tham-chính.

13. — Nguyễn-Tuấn, người xã Đại-lan, huyện Đông-yên, phủ Khoái châu. *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 b, chép làm quan đến Hữu-thị-lang; *Đang khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 60 b, chép làm quan đến Đô-ngự-sử.

Còn nữa

Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các việc

70. Bach-mai – Hanoi zone

Vì sao Nguyễn-Du cảm.....

Tiếp theo trang 8

Cựu vân chính áp tân vân đầu.
Mễ Điên-Điên bát lạc song ngoại.
Tùng lam tú xứ dương ngã lâu.
Thủy liêm chỉ sầu hảo cảnh thiền.
Quyển liêm hựu phạ phong liễu nhiễu!
Liêm quyển, liêm thủy đề sự nan.
Bất tình, bất tự thủy năng hiểu!
Lô yên tiệm sấu, tiễn thanh tiêu.
Hựu thị cô hồng lệ tiễu tiễu.

Dịch nôm :

Trên gác Tuyết ý có mây, mà mây không trôi đi,
Cho nên mây cũ đè ngay lên trên mây mới.
Xưa ngồi bút vẽ của Mễ-Điên-Điên. (5) để ý ra ngoài cửa sổ,
Nay khóm thông, chỗ tươi tốt, lại chữa vào lầu ta.
Buông mành xuống. thì chỉ sợ thấy ít cảnh đẹp.
Cuốn mành lên, lại sợ gió chạy quanh vào.
Cuốn mành hay buông mành cũng là sự khó nghĩ.
Không đem tình tự kể ra như thế, thì có ai hiểu cho.
Kia than trong lò vạc dầu, tiếng chày kêu đã nhỏ.
Này lại còn chim hồng cô độc, nước mắt chảy chan hòa.

Thơ tuyệt cú như sau này ;

I

Khể thả Từ-Vân đại sĩ tiền :
Mạc sinh Tây-thổ mạc sinh thiên,
Nguyện vi nhất trích dương chi thủy
Sái tác nhân gian tịnh đế liên.

稽首慈雲大士前
莫生西土莫生天
願為一滴楊枝水
洒作人間並蒂蓮

Dịch nôm :

Cúi đầu lạy trước Đức Từ Vân đại-sĩ,
Nguyện kiếp sau chớ sinh ở cõi Phật cũng đừng sinh ở cõi Trời
Chỉ nguyện xin làm một giọt nước cành dương,
Để tưới khắp những hoa sen cùng một cuống

II

Xuân sam huyết lệ điểm khinh xa,
Xuy nhập Lâm-Bô sử sỹ gia
Lĩnh thượng mai hoa tam bách thụ
Nhất thời ưng biến đỗ-quyên hoa.

春衫血淚點輕紗
吹入林逋處士家
嶺上梅花三百樹
一時應變杜鵑花

Áo khoác mùa xuân bị giọt huyết lệ giỏ xuống lần sa mỏng.
Rồi giọt huyết lệ ấy bay sang nhà sử sĩ Lâm-Bô (6)
Bao nhiêu hoa mai trên ba trăm gốc ở đồi cao kia
Phút chốc biến thành hoa đỗ quyên cả.

III

Tân trang cảnh dữ họa đồ tranh.
Tri tại Chiêu dương đệ kỷ danh ?
Sấu ảnh tự lâm thu thủy chiếu,
Khanh tu liên ngã, ngã liên khanh.

新妝更與畫圖爭
知在昭陽第幾名
瘦影自臨秋水照
卿須憐我我憐卿

Dịch nôm

Bộ trang điểm mới này cùng với bức vẽ kia, tranh nhau sự đẹp.
Không biết rằng đẹp như thế, thì được đứng tên thứ mấy ở cung Chiêu dương đây ?
Nhưng cái bóng gầy này thử tự lại soi vào mặt nước mùa thu mà coi
Thì mình sẽ phải nên thương ta, ta sẽ phải nên thương mình.

IV

Tây-lăng phương thảo kỳ lân lân.
Nội sứ truyền lai hoán đạp xuân.
Bôi tửu tự kiêu Tô-Tiểu mộ.
Khả tri thiếp thị ý-trung nhân.

西陵芳草騎轔轔
內使傳來喚蹋春
盃酒自澆蘇小墓
可知妾是意中人

Dịch nôm :

Gò phía tây, trên chỗ có cỏ thơm, ngựa xe tấp nập.
Có kẻ sứ ở trong nhà truyền tin lại nhủ đi tảo mộ mùa xuân.
Chén rượu này, thiếp tôi tưới lên trên mồ nàng Tô-Tiểu (tức Tô Tiểu-Muội, em gái Tô Thức)
Khá biết cho rằng : thiếp tôi đây cũng là ý trung nhân của nàng đây

V

Lãnh vũ u song bất khả thính,
Bài đăng nhàn khán Mẫu-đơn đình.
Nhân - gian diệc hữu si ư ngã.
Khởi độc thương tâm thị Tiểu-Thanh!

冷雨幽窗不可聽
排燈閑看牡丹亭
人間亦有癡於我
豈獨傷心是小青

Dịch nôm :

Mưa lạnh-lẽo, sông lặng-lẽ, thực là buồn tẻ.
Thắp đèn lên, xem chuyện Mẫu-đơn đình. (4)
Ra khỏi ở nhân gian cũng có người si như ta.
Há chỉ riêng một mình Tiểu Thanh này đáng thương tâm mà thôi đâu !

VI

Hà xứ song cầm tập họa lan ?
Chu chu thấy thủy tự thanh loan.
Như kim kỷ cá liên văn thái,
Giả hướng thu phong đấu vũ hàn !

何處双禽集畫闌
朱朱翠翠似青鸞
如今幾個憐文彩
也向秋風鬬羽翰

Dịch nôm :

Đôi chim ở đâu đến đậu vào bao lơn kia ?
Sắc đỏ đỏ, biếc biếc tựa như con loan xanh.
Than ôi ! bây giờ còn ai biết yêu đến nét văn vẻ của mi nữa,
Mà mi hứng gió thu để khoe bộ lông cánh của mi làm chi !

VII

Mạch mạch, dung dung, diễm diễm ba
Phù dung thụy tỉnh dục như hà ?
Thiếp ảnh kinh trung, hoa ảnh thủy:
Bất tri thu tứ lạc thùy đa ?

脈脈溶溶灩灩波
芙蓉睡醒欲如何
妾映鏡中花映水
不知秋思落誰多

Dịch nôm :

Sóng đâu lai láng, rộn rập và chan chứa thế ?
Hoa phù-dung kia đã tỉnh giấc rồi, còn muốn chi nữa đây ?
Thiếp tôi soi vào gương, và hoa kia soi vào nước :
Không biết rằng tứ buồn man - mác ấy nó ở ai nhiều hơn ?

VIII

Doanh doanh kim ngọc nữ ban đầu,
Nhất khúc ly-châu, chúng kỹ thu.
Trực đắc lâu tiền thân nhất tử,
Quý Luân nguyên thị giải phong lưu

盈盈金玉女班頭
一曲驪珠衆伎收
直得樓前身一死
季倫原是解風流

Dịch nôm :

Ngọc vàng rảng rỉnh đeo, đứng đầu. ở ban nữ nhạc.
Gầy một khúc ly-châu, bao nhiêu cái hay của chúng thu vào cả một mình.
Cho đến khi gieo tấm thân thác ở trước lầu. (7)
Thì biết rằng Quý Luân (8) nguyên là một gã hiểu biết thú phong lưu lắm.

IX

Khanh tâm bất ký lưỡng phong cao.
Tạc dạ tử-thân nhập mộng dao,
Kiến thuyết Giang nam trào hữu tín
Triết-tào tranh tự quảng lăng trào.

卿心不畏兩峰高
昨夜慈親入夢遥
見說江南潮有信
浙潮争似廣陵潮

Dịch nôm :

Lòng em không sợ hai ngọn núi cao dư ?
Mà đêm hôm qua, nằm mộng thấy đến chỗ tử-thân của em ở.
Nghe nói nước triều ở Triết - Giang không sai buổi bao giờ ;
Vậy ra nước triều ở Quảng lăng này chăng ?

X

Bách kết hồi tràng tả lệ ngân.
Tràng lai duy hữu cựu chu môn.
Tịch dương nhất phiến đào hoa ảnh.
Tri thị đinh-đinh thiến nữ hồn.

百結迴腸寫淚痕
重来惟有舊朱門
夕陽一片桃花影
知是亭亭倩女魂

Dịch nôm :

Ruột thắt lại trăm đoạn, ứa ra lệ thành ngấn.
Nếu tôi có trở lại duy chỉ đến chốn cửa son cũ mà thôi.
Khi nào mặt trời xế chiều, có trông thấy bóng hoa đào một mảnh thấp-thoáng,
Nên biết rằng đó là hồn người con gái trong sạch hiền hiện về thăm.

Bài thơ này là ở cuối bức thư gửi cho Mỗ phu-nhân.

Bài từ «Thiên tiên-từ»

Văn-cơ viễn giá, Chiêu quân tái.
Tiểu-Thanh hựu tục phong lưu trái.
Giã khang nhất trận hắc cương phong.
Hỏa luân hạ,
Trìu thân khoái.
Đơn đơn, biệt biệt thanh lương giới,
Bất thị uyên ương nhất phai.
Hưu toán tố tương-tư nhất khái.
Tự tư, tự giải tự thương lường ;
Tâm khả tại,
Hồn khả tại
Trước sam hựu nhiễn quần song đái.

文姬遠嫁昭君塞
小青又續風流債
也虧一陣黑罡風
火輪下
抽身快
單單別別清涼界
不是鴛鴦一派
休算做相思一概
自思自解自商量
心可在
魂可在
著衫又撚裙双帶

Dịch nôm :

Nàng Văn-Cơ (9) thì gả chồng xa, nàng Chiêu-Quân phải ra ngoài cửa ải.
Tiểu-Thanh nay lại nối cái nợ phong lưu ấy rồi.
May mà nhờ có một trận gió mà trời, Dưới mặt trời, cái thân này trốn ra được một cách mau-lẹ
Lẻ loi, biền-biệt đi ở trong cõi thanh lương.
Người ấy đã không phải một phe với những con chim uyên ương,
Thì chớ tưởng là cùng một loại với những ai tương tư nhau đâu
Ấy hẳn chỉ một mình nghĩ, một mình hay một mình bàn tính :
Cốt tấm lòng này còn, thì hồn này còn thôi, khoác áo vào đi, mà vận đôi dải quần lại.

Những bài thơ trên này, vì có người họ nhà chồng nàng góp-nhặt lại đem in, gọi là cuốn «*Phần-dư*» (nghĩ là cháy sót) nên mới còn lưu đến ngày nay vậy.

LIÊN-GIANG

1, Đời Đường có chàng họ Hàn chung tình với nàng họ Liễu ở Chương-đài Trường-an, sau xa cách nhau. Hàn có thơ hỏi thăm Liễu rằng : « Hỏi thăm cây liễu ở Chương đài, ngày trước xanh như thế, ngày nay còn không ? Dù cành kia còn buông rủ như cũ song có lẽ đã vin bẻ vào tay người khác rồi.

2, Giả-Bình-Chương tức là Giả-tự-Đạo đời Tống, làm quan đến Đồng-bình chương-sự.

3, Có lẽ là tướng quân Dẳng Hoàn Đôn đời Minh (?)

4, Đỗ - Tuệ nương là nhân vật chính ở truyện Mẫu-đơn-đình, chết đi chưa chôn, có tình duyên với người học trò Liễu-mộng-mai, hiện hồn lên giao hợp với Liễu ; sau sống lại lấy Liễu

5, Mễ-Điên-Điên tức là Mễ - thị, người đời Tống, văn hay, vẽ giỏi, làm quan đến Lễ-bộ viên-ngoại-lang Đời gọi là Mễ-Nam-Cung.

6, Lâm -Bô, người Tiền-Đường đời Tống, chuộng thói cổ, không bon chen về việc danh lợi, chữ tốt thơ hay và vẽ khéo.

7 — 8, Thạch Sùng đời Đường có người con hát yêu là Lục-châu. Tôn Tú có quyền thế bây giờ đòi lấy không được, bèn giả chiếu vua bắt Sùng. Trước khi Sùng bị điệu đi, Lục châu báo nghĩa, nhảy từ trên gác nhảy xuống chết Qúy luân tức tên chữ Thạch-Sùng,

9, Văn Cơ tức Sái - Văn - Cơ giỏi âm luật, gả cho Vệ Trọng Đạo, bị quân Hồ bắt được, ở đất Hồ 20 năm Sau Tào-Tháo chuộc về gả cho Đổng-Tử.

Kỷ niệm Nguyễn-Du

Cuộc đời bí-mật của nàng Vương Thúy-Kiều, sáu trăm năm về trước

(Tiếp theo kỳ trước)

Theo bản « *Ngu sơ tân chí* », lúc Từ-Hải còn vẫy vùng, thế lực còn mạnh, quan Tổng-đốc Hồ Tôn-Hiến khai phủ ở Chiết-giang, biết sức quân Triều-đình không phá nổi giặc, nên mới dùng đến cái tài, cái sắc của Thúy-Kiều. Nhưng trước lúc thi hành mỹ-nhân kế, Hồ-Công đã ngầm sai Hoa Lão-Nhân đem hịch dụ Từ-Hải đầu hàng. Từ-Hải nổi cơn lôi đình, bắt trói Hoa Lão-Nhân định chém. Thúy Kiều cúi xin rằng : « Việc giết hay tha là ở tay ông, còn hàng hay không hàng có việc gì đến người lai sứ ». Từ-Hải liền tha và cho Hoa Lão-Nhân về.

Một cử chỉ thứ nhất để chứng tỏ cái dã tâm của nàng Kiều và xem qua cử-chỉ ấy đã biết nàng Kiều có nhiều thế lực về quân cơ cạnh Từ Hải.

Tiếp đến việc La Long-Văn người bạn cũ của Từ-Hải và người đã quen thân với Thúy-Kiều hồi trước. Sẵn cơ hội để lập công La Long-Văn mới nhờ hai bạn Sơn-Âm và Tư-Vị đưa chàng ra mắt Hồ-Công. Hồ Tôn-Hiến lấy tình là người cùng quê quán, ra tận thềm chào đón và bảo rằng : « ông có ý muốn công danh phú quí chăng ? nay tôi muốn dùng ông ». Từ đấy La Long-Văn có cái sứ mệnh là dụ hàng Từ-Hải. Vậy muốn đi đến sự thành công, La Long-Văn phải nhờ Vương Thúy-Kiều. Một hôm, La Long-Văn ăn mặc theo lối người hào-kiệt lúc xưa, đến viếng Từ-Hải. Từ-Hải mời vào cho ngồi thượng tọa, cùng nhấp rượu, rồi Từ-Hải nói : « Túc-hạ xa xôi đến đây, có phải làm thuyết khách cho Hồ-Công chăng ? » La Long-Văn cười mà nói rằng : « không muốn làm thuyết-khách cho Hồ-Công, chỉ nguyện làm trung thần với cố nhân thôi ». Tiệc rượu đã bày sẵn, đôi bạn vui cười xướng họa. Được nửa cuộc, Vương phu nhân, tức là Thúy-Kiều, cùng nàng Lục-Châu ra chào La Long-Văn. Thúy-Kiều vốn biết La Long-Văn là người hào-kiệt, mới xin Từ-Hải sai người đến đốc phủ để giải vây cho Đồng-hương.

Một cử-chỉ thứ hai chứng tỏ cho cái ngoại tâm của nàng Vương Thúy-Kiều.

Hồ-Công đắc ý mừng thầm, bèn theo kế La Long-Văn đem vàng bạc châu báu mật lót cho Thúy-Kiều Ngày đêm Thúy-Kiều luôn luôn khuyên nhủ Từ-Hải nên hàng và nàng định kế trói Trần-Đông, một viên tướng tài của Từ-Hải, ước hàng cho Hồ Tôn-Hiến.

Đấy là một cử chỉ thứ ba của người nữ gián điệp tài hoa : nàng Vương Thúy-Kiều.

Thưa các Ngài,

Xem truyện *Kim vân Kiều* của cụ Nguyễn-Du, các ngài đã biết rõ nhân cách cao-quí của nàng, tấm lòng tiết-nghĩa mà phong tình của nàng và vấn-đề hiếu và tình theo tâm-lý nàng. Cụ Nguyễn-Du với 3254 câu thơ đã trau chuốt nên một người thục-nữ đủ điều hiếu nghĩa để làm gương cho nữ-giới. Vậy có lẽ nào nàng Kiều lại ngửa tay ăn của lót của một người định giết hại chồng mình ? Như thế cũng đủ tỏ ra Vương-Thúy-Kiều chỉ là một tay sai của La-long-Văn, người mà Hồ-công đã cho làm thuyết-khách cùng Từ-Hải, người đã giúp cho triều-đình nhà Minh thành công sau này,

Hơn nữa Vương-Thúy-Kiều một tay thục-nữ có đủ can-đảm hy-sinh đời mình để báo hiếu cho cha, có lòng luôn luôn thờ phụng một chữ tình đáng giá đối với chàng Kim-Trọng như là :

«Vội mừng làm lễ rước vào,
«Đài sen nối sáp, song đào thêm hương.
«Tiên thề cùng thảo một chương,
«Tóc mây một mảo, dao vàng chia hai.
«Vừng trăng vằng vặc giữa trời,
«Đinh ninh hai mặt một lời song song,
«Tóc tơ căn vặn tấc lòng.
«Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương»

Trước cảnh biệt-ly Thúy-Kiều xin nguyện :

«Cùng nhau trót đã nặng lời,
«Dẫu thay mái tóc dám dời lông tơ ;
«Quản bao tháng đợi năm chờ,
«Nghĩ người ăn gió nằm mưa xót thầm ;
«Đã nguyền đôi chữ đồng tâm,
«Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai ? »

Mãi khi đã sống cạnh Từ - Hải nàng Kiều vẫn đinh-ninh :

«Đoái thương muôn dặm tử phần,
«Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa,
«Xót thay huyên cỗi, xuân già,
«Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi :
«Chốc là mười mấy năm trời,
«Còn ra khi đã da mồi tóc sương :
« Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
«Dẫu lìa ngỗ ý, còn vương tơ lòng:
«Duyên em dầu nối chỉ hồng,
«Còn ra khi đã tay bồng, tay mang
«Tấc lòng cố quốc, tha hương,
«Đường kia, nỗi nọ ngổn ngang bời-bời,

Nhớ gia - đình, nhớ tổ - quốc, Vương thúy-Kiều đã tỏ ra một người luôn luôn nghĩ đến phận-sự của mình.

Vả lại, lúc Thúy-Kiều đã đường đường trở nên một bậc phu nhân của Từ-Hải, làm bá-chủ cả một giang-sơn thì :

«Nghênh ngang một cõi biên thùy,
« Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương»

Ngọc - ngà, châu báu, danh-giá, hạnh-phúc, không thiếu sót món gì, sao Thúy - Kiều lại còn tham-lam những bửu - vật của Triều-đình mật cho nàng ?

Lại khi thấy Từ-Hải sát hại quá nhiều quân binh của nhà Minh, trước cái thảm cảnh của người đồng chủng vì nước bỏ mạng, Thúy-kiều đã kêu rên mấy tiếng quá não nùng :

«Ngẫm từ khởi việc binh đao,
«Đống xương vô định đã cao bằng đầu».

Một người nhi-nữ thường tình đâu lại có những ý-tưởng tốt đẹp cao quí ấy, thấy những xác chết phơi trắng bãi chiến-trường mà động lòng xót-xa, đau - đớn, thì có phải là một bậc tiểu - thư có cái quan-niệm tôn quân, ái quốc lắm ru ?

Những nguyên-do và tài - liệu ấy đều chứng rõ cho tư-cách của nàng Kiều, của một nữ gián-điệp có tài lỗi lạc, có trí khôn - ngoan cũng như các bậc phụ nữ gián-điệp có tài lỗi-lạc, có trí khôn ngoan cũng như các bậc phụ nữ gián-điệp Âu-Mỹ vào thời Âu-châu đại chiến vậy Hy-sinh đời mình để phụng sự tổ quốc, đó chính là cái thiên-chức của các bậc kỳ-nữ ấy.

Sau này, muốn biết rõ thêm đời tư của Vương - thúy - Kiều, các Ngài hãy xem qua tập *Lục-Dạ Tiên-Tôn* của người Tàu ? Trong bản ấy tác-giả chép rằng về triều Minh có thủ - tướng Nghiêm-trung lo việc hành - chính cho vua Gia-Tĩnh. Nghiêm-Trung có con trai là Nghiêm thế-Phồn, một vị quan trẻ tuổi, có quyền-thế ở triều. Còn La-long-Văn chỉ là một du-khách, nhà giàu có, theo thú săn bắn và tập luyện võ - nghệ Trên bước đường giang-hồ, La-Long-Văn mới gặp Kiều nhi hồi nàng còn nhỏ La long Văn đem về nuôi dưỡng, và tập cho đàn hát, không ngờ Kiều - nhi rất thông-minh, học đâu nhớ đó, đàn sáo rất hay. Càng lớn lên, nàng càng mỹ - lệ yêu - kiều. Sự thật thì nàng Kiều chỉ là một con hát có tài có trí và La-Long Văn đã dùng nàng làm gián-điệp đánh đổ giặc Từ-Hải.

La-long-Văn vốn môn - khách của Nghiêm-thế-Phồn, con thủ-tướng Nghiêm - Trung. Vì thế, Nghiêm-thế-Phồn mới cậy nhờ La-Long-Văn dùng kế đem nàng Kiều ra đóng vai của Tây - Tai, biết rằng nàng Kiều có đủ tư-cách đảm nhận công-việc ấy.

Từ đó, La-long-Văn mới cho Thúy-Kiều sống cuộc đời lưu-lạc nay đây mai đó, với cái ý định gặp Từ-Hải.

Biết trước Từ - hải là người hiếu-sắc đa tình, nên khi gặp Từ, nàng Kiều được trọng đãi hơn người, xem như cuộc đón rước nàng

«Giáp binh kéo đến quanh nhà
«Đồng thanh cùng hỏi : Nào là phu nhân ?
«Hai bên mười vị tướng quân,
«Đặt gươm cởi giáp, trước sân khấu đầu.
«Cung nga thế nữ theo hầu,
«Rằng : vâng lệnh chỉ, rước chầu vu quy...»

Được Từ-Hải quí chuộng, tin cậy, cho dự vào cả các việc quân cơ bí-mật, nên sau nầy, nàng Vương-Thúy-Kiều mới làm xong cái phận-sự khó khăn của nàng mà thủ-tướng Nghiêm-Trung đã phó-thác cho nàng theo lối gián-tiếp vậy,

Nói tóm lại, theo bản *Ngũ-sơ-Tân-Chí và Lục-Dạ-Tiên-Tôn* của người Tàu, thì nàng Vương-thúy Kiều chỉ là một nữ ca-kỹ hồi nhỏ, lúc lớn lên triều Minh đã dụng làm nữ gián-điệp

Sau nầy, nhân lúc sang sứ Tàu, cụ Nguyễn Du, hoặc xem *Ngu-Sơ Tân Chí*, hoặc xem truyện của Thanh-Tâm Tài - Nhân, cụ mới phỏng theo một trong hai chuyện ấy và phụ thêm rất nhiều ý tưởng của cụ mà chép ra truyện *Kim - vân - Kiều* Câu chuyện tuy mô phỏng theo truyện Tàu, nhưng các nhân vật trong truyện của cụ hoàn-toàn mới. Cụ chỉ mến cái tài lỗi - lạc, cái sắc khuynh quốc khuynh thành của một cô gái đã tận trung với tổ-quốc mà đem mình hy - sinh, dấn thân vào một cuộc đời đầy nguy-hiểm gai - góc với cái ý tưởng cao quí là cứu quốc khỏi nạn ; chỉ vì lòng mến phục, nên cụ Nguyễn-Du mới hình dung ra một nàng Kiều thanh-bạch, lịch-sự, du hiếu, trọn tình, một nhân vật hoàn toàn làm kiểu-mẫu cho phụ nữ đời sau

HẾT

HOÀNG-DIỆP

TIỂU-THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 20 của CHU-THIÊN

TÁI-TẠO chắp tay đáp rất cung-kính rằng ;

— Thưa chị bấy lâu xa cách, em không thời thường được nghe lời vàng ngọc, nay chị đã ân-cần tỏ lời giáo huấn đinh-ninh, em xin cúi đầu vâng dạy.

Liên-Tường lại quay lại sau chắp tay vái Lương-Thoa mà rằng :

— Thưa dì, nay cha mẹ con thì già và em còn bé dại, mọi việc trong gia-đình xin cúi mong dì săn-sóc trông-nom cả để cho đứa con bất-hiếu này được nhẹ phần tội-lỗi với gia-đình.

Lương-Thoa chắp tay cúi đầu đáp lễ mà rằng :

— Thưa phu-nhân, điều đó bất-tất phu-nhân phải truyền bảo, tôi tự xin tuân nhận cả. Tôi chỉ xin chân thành kính-chúc phu nhân cùng đại-quan gặp mọi sự vinh-hoa và chóng sinh quý-tử.

Thế rồi cả gia-đình Phan-công bắt đầu lên đường : Phan-công và Phan phu-nhân đi trước, kế đến hai ngựa của Lương-Thoa, Phan Tái-Tạo ; sau đó là hai ngựa của Trần-Long và Liên-Tường. Hai vợ chồng Lương-Điền và Tiền-Lan cưỡi ngựa đi sau rốt. Các cơ đội binh-lính trong dinh xếp thành hàng dài đi tiễn đưa ra tận ngoài nội. Đi được một lúc, các quan chức trong trấn và các bạn hữu được tin Phan-công trở về đều lũ-lượt dẫn đến tiễn-đưa. Thành ra cuộc tiễn-đưa lại tưng-bừng hơn, nhộn-nhịp hơn hôm đón rước Phan-công về dinh. Mọi người đều tỏ vẻ hân-hoan, khen ngợi cái cảnh đoàn-viên êm-ái của gia-đình Phan-công mà những người được hưởng đích-đáng ấy đều là những bậc chân-chính anh-hùng, chân chính hiếu-tử và chân-chính thục nữ.

Đưa mọi người về Lưu-đạo rồi hai vợ chồng Trần-Long trở về dinh trơ-trọi vắng-vẻ, trong lòng cũng thấy buồn thiu, và lúc ấy mới nhận ra sự hiếm-muộn con cái cũng là một cái khổ. Hai vợ chồng lấy nhau chốc đã chín mười năm giời, mà mới sinh nở có một bận lại không nuôi được. Đường tử-tức hiếm hoi, hai vợ chồng mải vui công-việc cũng không thường kịp nghĩ đến. Nay trong nhà vắng vẻ, nhớ cha mẹ, nhớ hai em, Trần-Long và Liên-Tường mới cảm thấy thấm-thía trong lòng, và mới thắc-mắc áy-náy về đường con cái.

Nhân thấy mọi việc xảy ra trong mươi năm qua trong gia-đình có liên-lạc hệ-thống với nhau, những sự báo ứng rất rõ-rệt, những phúc họa hiển-hiện ra trong những cảnh rất đột-ngột và kỳ-ảo, Liên-Tường càng thêm tin có một đức Chí-Tôn ở trên tối cao bày đặt ra mọi lớp cảnh để thưởng phạt người trần, nàng càng thêm tôn thờ Phật-tổ, đại-từ đại-bi. Nàng bèn bàn với chồng lập một am mây ở ngay Tiêu-sơn để nàng đến đấy tụng kinh niệm Phật cầu khẩn đức Phật tổ nhiệm-mầu ban phúc cho nhà nàng chóng có thêm tiếng trẻ vui đùa. Trần-Long liền theo ý vợ chọn một chỗ đất trên núi Tiêu-sơn, gần ngay làng Lưu-đạo. Khởi công làm hơn một tháng, một cái am xinh xắn đẹp đẽ đã dựng lên, đỏm-dáng thấp-thoáng trong bụi cây sầm uất. Muốn cho cái am ấy được đánh dấu một lòng tín-ngưỡng bão-là trong dân-gian, Trần-Long làm lễ khánh thành rất long-trọng. Chàng cho mời tất cả các sư trong Thiền-môn Kinh bắc và các vị Cao-tăng đại-đức ở khắp vùng. Chàng lại cho mời cả các quan-chức và thân bằng cố hữu khắp nơi về dự. Thật là một ngày hội vui vẻ để tuyên-dương công-đức nhà Phật và rửa sạch cái vẩn đục tội-ác ở trong lòng người tục : Sư tổ Chân Giác thiền-sư ở bên chùa Giác ngộ hạt Phượng-nhỡn, vừa là bậc tu-hành cao tuổi nhất và đạo học rộng, lại là chỗ quen-thuộc với Phan phu-nhân, nên Trần-Long nhờ cậy ngài đứng chủ cuộc đại-lễ khánh-thành trên đàn cao cho công-chúng vào xem. Nhân dịp này vợ chồng Nguyễn Thành Chương và Lệ-Kim hiện làm Đề-đốc trấn Sơn-nam được thiếp mời cũng cùng nhau về dự và mừng vợ chồng Liên-Tường được gặp Phan Thượng-thư, chị em bạn bấy lâu xa cách nay lại gặp nhau, nỗi vui mừng, niềm tưởng nhớ, đượm trong khoé nhìn, lộ ra lời nói lại càng thêm đằm thắm thân yêu. Trong khi trò chuyện, sau những lúc vui mừng vì bạn bè gặp gỡ, hay sung sướng vì tìm được cha già, có thêm em giỏi, Liên-Tường thường ra vẻ lo buồn vì nỗi hiếm muộn. Lệ-Kim cảm thương bạn liền an ủi rằng :

— kể như đời phu nhân không lúc nào vui bằng lúc này, tìm được cha, nhận được em là bậc kỳ tài, em gái nuôi lấy được chồng giỏi, cả nhà sum họp như thế còn hạnh phúc nào hơn nữa. Vả lại bây giờ đại quan và phu-nhân lại lập am thờ Phật ở đây liền cạnh lão quan, lúc nào cả nhà cũng được đoàn viên đùm bọc lấy nhau. Được như thế em tưởng cũng đủ thỏa lòng mong mỏi. Phu-nhân không nên để một chút buồn nào nó lấn át mất cái vui đích đáng ấy. Cứ buồn nó sẽ vận vào mình mà thời vận sẽ lại trái ngược ghẹo mình. *Đức năng thắng số* là vậy, đấy phu-nhân ạ. Còn đường con cái có muộn một

tỷ là vì trước đây phu-nhân mải lo nghĩ suy tính lắm, nó chậm lại đấy thôi. Mới lại mình đã già gì mà nghĩ ngợi cho lắm Nói ngay như lão-quan mãi đến sáu mươi mới có con nối dõi lại càng hay nữa là... Phu-nhân cứ vất hết cái buồn đi, trong mình thư thái, bây giờ không phải lo nghĩ gì nữa, rồi lại chả thời tuổi mà đẻ mãi ấy à !

Liên-Tường cười nhìn Lệ-Kim mà nói :

— Gớm nghe phu-nhân nói vui vui là quên hết cả buồn.

— Phải vui chứ ! Giời Phật dồn đến cho mọi sự vui đẹp, mà mình lại buồn chẳng hóa ra mình hèn-hạ cứ tự gây lấy tai-vạ sao ! Người ta phải vui mới tiến được. Vui với việc làm, vui với chung quanh, vui với mai sau, rồi mọi sự đều sẽ thành tựu cả, nó thành tựu có khi mình không nghĩ đến nữa. Ngay như những lúc hai chị em ta gặp bao cảnh gian nan, mà phu-nhân và tôi vẫn vui mà liều bước tưởng chừng như là không có việc gì vừa xảy ra cho mình cả. Ấy thế mà về sau, những điều mình ước muốn, mong chờ đều thành cả. Những cái việc ấy nó sịch đến một cách đột ngột quá mình không kịp nghĩ mình cho là kỳ-ảo. Chính thực ra một việc trước sau vẫn có liên-lạc mấu cỡ với nhau mới thành kết-quả. Chẳng qua nó tế-vi quá, huyền diệu quá, mình hèn mọn ngu-độn không nghĩ được thấu đấy thôi.

Liên-Tường gật đầu tỏ ý khen phải và nói :

— Có lẽ thế thật : Giá không có phu-nhân khuyên giảng, thì em đến còn buồn mãi. Mà cũng tại hôm nọ nhà đương đông đúc, cha mẹ em về cả bên Lưu-đạo này, ở dinh vắng vẻ quá em nghĩ miên man, thương thân tủi phận nghĩ mình chỉ làm khổ cho người khác, nên tự nhiên em đâm ra buồn vô hạn. Bây giờ thì không thế nữa, nghe nhời phu-nhân huấn cáo, lại ở trong Am này thờ Phật, và ở gần cha mẹ chị em, em sẽ không buồn nữa, em tuân theo lời phu-nhân.

Lệ-Kim càng vui vẻ nói tiếp :

— Phải ! giữa cảnh sơn thanh thủy tú này lại đoàn viên với cha mẹ chị em thân yêu, sớm hay muộn thế nào người ta cũng phải vui vui với gia-đình, vui với núi sông vui với công việc, và cùng với ngày tháng sẽ kết tụ lại được nhiều sự nghiệp vẻ vang, hay để lại cho dòng-giống những bực kỳ tài xuất-chúng.

Rồi Lệ Kim ê-a tụng to câu kinh mà nàng tự đặt lấy để mừng Liên-Tường.

Nam - mô Đức Phật Di - Đà
Cứu nhân độ thế bao la thấm nhuần
Ngoài trời muôn vật đều xuân,
Mà cho người cũng mười phần thấm tươi
Lòng phật tức là lòng người,
Lòng ta thành kính, Phật-Giời giúp ta
Giời cho xum họp một nhà :
Thông già thêm tốt huyên già thêm tươi
Hoa Đường lệ nở khác vời
Càng khoe sắc thắm càng cười vẻ tân
Mai sau lan quế đầy sân,
Hương thơm ngào ngạt cảnh xuân thắm nồng
Trăm năm trong cõi mênh mông
Hơn nhau có một tấm lòng thanh cao

CHU-THIÊN

HẾT

kỳ sau :

« Lịch-sử bịnh lao »

của bác-sĩ LÊ VĂN-NGÔN

Số Xuân Quí-Mùi (1948)

Số xuân Tri-Tân 1948 (quí-mùi) sẽ là một số đặc-sắc chưa từng thấy trong làng báo Đông-dương.

Đặc sắc vì có nhiều bài khảo-cứu rất công-phu ;

Đặc-sắc vì số đó là chỗ gặp-gỡ của những ngòi bút có danh-tiếng ở khắp ba kỳ ;

Đặc-sắc vì có bức tranh phụ-bản rất mỹ-thuật và nhiều tranh-ảnh khác rất khả-quan..

TRI-TÂN

Khẩn cáo

Bản chí xét sổ còn nhiều bạn mua báo chưa trả tiền.

Vậy các bạn nên kíp gửi ngay mandat về trả cho, chúng tôi rất cảm ơn các bạn

TRI TÂN

Hai quyển sách cần cho ai định học chữ nho hay đã biết chữ nho mà muốn biết thêm :

Chữ nho học lấy — *Cử nhân* Dương Bá-Trạc *soạn* — Giá 1p — Cước 0p12

Mẹo chữ hán — Bùi Trình-Khiêm *soạn* — Giá 0p35 — Cước 0p06

Đề cho : hiệu sách Đông Tây, 195 hàng Bông Hanoi

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Pháp

1p.00 một vé

Những sách của

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton Hanoi

1·) **Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư** Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25

2·) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2 p.50

3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 p.50

4·) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0 p.80

5·) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1 p.50

ĐANG TẠI BẢN

Nho giáo, Trần trọng-Kim. 5 quyển Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

VŨ-NGỌC-PHAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p

Loại sách đẹp giấy lụa dó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ — Nhóm « Đông-dương tạp chí » — Nhóm « Nam-Phong tạp-chí ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »

Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Mandat gửi về : Nhà in Tân-Dân

93, Phố Hàng Bông Hanoi

Mấy cuốn sách giá-trị của

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

ĐẠO SỐNG *sách thường 2p00* *sách đẹp 4p00*

«J'ai lu cet ouvrage avec un grand intérêt et y ai apprécié un exposé concis et clair des principales éthiques ainsi que les commentaires judicieusement présentés de chacune de ces doctrines. Je vous félicite .....»

P. DELSALLE

Pésident Supérieur au TONKIN

«Những sách như sách Đạo Sống này chính là tài liệu giúp cho chúng ta suy nghĩ *Phạm-Quỳnh*

Lược-khảo về Mỹ-thuật Việt-Nam

sách thường 1p50 *sách đẹp 3p50*

A la fois sinologue et artiste, Ng.x.Nghi nous donne avec autorité et avec l'accent d'une admiration émue des résultats de son enquête sur l'évolution d'un acte quinze fois séculaire...

... Il sait parler à l'imagination autant quà l'esprit parce qu'il sait voir et faire voir en artiste les choses concrètes. .

... La forme en est agréable, discrètement pittoresque...

Nguyễn-văn-Tố

THI-THOẠI

Dầy non 300 trang giá 2p00

Mua một cuốn, xin gửi tiền trước kèm 0p40 cước

Thư từ ngân phiếu để cho

Ô. Lê văn Hòe giám đốc Quốc Học Thư Xã

16 bis Tien Tsin Hanoi

Từ 15 11-42, trong toàn cõi Đông-Pháp sẽ có bán :

VIỆT-NAM

CỔ VĂN HỌC SỬ'

của **NGUYỄN-ĐỔNG-CHI**

Tựa của TRẦN-VĂN-GIÁP — *Lời bạt của* HUỲNH THÚC-KHANG

—Bìa của Nguyễn đỗ Cung—

Trên 1000 bản khắc chữ Hán đủ cả các thể, thơ, phú, chiếu, dụ, kèm những bản dịch ra quốc-âm-ngoài mười năm nghiên cứu, tham khảo, trong hai trăm cuốn sách, báo, kim, cổ, đông, tây. Để góp thành ngót trăm trang toàn những tài liệu quý giá.

Giá đặc biệt 4$50

Mua một cuốn gửi tiền về trước kèm thêm 0p70 cước đảm bảo. Không bán lãnh hóa giao ngân.

HÀN-THUYÊN

— 71 Tien Tsin Hanoi

Directeur : Nguyễn Tường-Phượng — Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi